

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TRẠNG KHANH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

Sinh viên: Nguyễn Thị Kiều Nga

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Ninh Thị Thùy Trang

HẢI PHÒNG – 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Kiều Nga Mã SV:1312401015
Lớp: QT1703K Ngành: Kế toán – Kiểm toán
Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định
kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thép Trang Khanh

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu tính toán và các bản vẽ).
 - Nghiên cứu lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.
 - Mô tả thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thép Trang Khanh.
 - Đề xuất một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thép Trang Khanh.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Sử dụng số liệu kế toán năm 2016 của Công ty Cổ phần thép Trang Khanh.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty Cổ phần thép Trang Khanh.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Ninh Thị Thùy Trang

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thép Trang Khanh.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:

Học hàm, học vị:

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngàythángnăm 2017

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2017

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2017

Hiệu trưởng

GS.TS.NSUT Trần Hữu Nghị

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp.
- Luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Kết cấu của khoá luận được tác giả sắp xếp khoa học, hợp lý được chia làm 3 chương:

Chương 1: Tác giả đã hệ thống hóa được lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2: Sau khi giới thiệu khái quát về công ty, tác giả đã mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thép Trang Khanh, có số liệu minh họa cụ thể (quý 4 năm 2016). Số liệu minh họa từ chứng từ vào các sổ sách kế toán tương đối hợp lý và logic.

Chương 3: Tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty. Các giải pháp đưa ra có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bằng số:

Bằng chữ:

Hải Phòng, ngày tháng năm 2017

Cán bộ hướng dẫn *Ths. Ninh Thị*

Thùy Trang

MỤC LỤC

| | |
|--|-----------|
| LỜI MỞ ĐẦU | 1 |
| CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ | |
| 1.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ | 3 |
| 1.1.1 Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ | 3 |
| 1.1.2 Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh..... | 4 |
| 1.1.2.1 Doanh thu | 4 |
| 1.1.2.2 Chi phí | 8 |
| 1.1.2.3 Xác định kết quả hoạt động kinh doanh | 9 |
| 1.1.3 Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp | 10 |
| 1.2 NỘI DUNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ | 11 |
| 1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu của doanh nghiệp vừa và nhỏ..... | 11 |
| 1.2.1.1 Chứng từ sử dụng | 11 |
| 1.2.1.2 Tài khoản kế toán sử dụng..... | 11 |
| 1.2.1.3 Phương pháp hạch toán | 13 |
| 1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán | 13 |
| 1.2.2.1 Chứng từ sử dụng | 15 |
| 1.2.2.2 Tài khoản sử dụng | 15 |
| 1.2.2.3 Phương pháp hạch toán | 17 |
| 1.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh..... | 18 |
| 1.2.3.1 Chứng từ sử dụng | 18 |
| 1.2.3.2 Tài khoản sử dụng | 18 |
| 1.2.3.3 Phương pháp hạch toán | 19 |
| 1.2.4 Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính | 21 |
| 1.2.4.1 Chứng từ sử dụng | 21 |
| 1.2.4.2 Tài khoản sử dụng | 21 |
| 1.2.4.3 Phương pháp hạch toán | 22 |
| 1.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác | 23 |
| 1.2.5.1 Chứng từ sử dụng | 23 |
| 1.2.5.2 Tài khoản sử dụng | 24 |
| 1.2.5.3 Phương pháp hạch toán | 24 |

| | |
|--|-----------|
| 1.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh | 25 |
| 1.2.6.1 Chứng từ sử dụng | 25 |
| 1.2.6.2 Tài khoản sử dụng | 25 |
| 1.2.6.3 Phương pháp hạch toán | 27 |
| 1.3 TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀO CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ..... | 28 |
| 1.3.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung | 28 |
| 1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký sổ cái | 29 |
| 1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ..... | 30 |
| CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TRANG KHANH..... | 33 |
| 2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TRANG KHANH | 33 |
| 2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển | 33 |
| 2.1.2 Mô hình tổ chức bộ máy quản lý công ty | 34 |
| 2.1.3 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ Phần thép Trang Khanh | 36 |
| 2.1.3.1 Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty..... | 36 |
| 2.1.3.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty. | 37 |
| 2.1.3.3. Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản..... | 37 |
| 2.1.3.4. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán..... | 38 |
| 2.1.3.5. Tổ chức hệ thống Báo cáo tài chính tại Công ty | 39 |
| 2.2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TRANG KHANH..... | 39 |
| 2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ phần thép Trang Khanh | 40 |
| 2.2.1.1 Nội dung doanh thu bán hàng tại Công ty Cổ phần thép Trang Khanh | 40 |
| 2.2.1.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng..... | 40 |
| 2.2.1.3 Quy trình hạch toán | 41 |
| 2.2.1.4 Ví dụ minh họa | 41 |
| 2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ phần thép Trang Khanh..... | 46 |
| 2.2.2.1 Nội dung của giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ phần thép Trang Khanh..... | 46 |
| 2.2.2.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng..... | 46 |
| 2.2.2.3 Quy trình hạch toán | 47 |
| 2.2.2.4 Ví dụ minh họa | 47 |

| | |
|---|-----------|
| 2.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh..... | 52 |
| 2.2.3.1 Nội dung của chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty Cổ phần thép Trang Khanh..... | 52 |
| 2.2.3.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng..... | 52 |
| 2.2.3.3 Quy trình hạch toán | 52 |
| 2.2.3.4 Ví dụ minh họa | 53 |
| 2.2.4 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính tại Công ty Cổ phần thép Trang Khanh | 60 |
| 2.2.4.1 Nội dung của doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty Cổ phần thép Trang Khanh | 60 |
| 2.2.4.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng..... | 60 |
| 2.2.4.3 Quy trình hạch toán | 60 |
| 2.2.4.4 Ví dụ minh họa | 61 |
| 2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác..... | 67 |
| 2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thép Trang Khanh | 67 |
| 2.2.6.1 Chứng từ và tài khoản sử dụng..... | 67 |
| 2.2.6.2 Quy trình hạch toán | 67 |
| 2.2.6.3 Ví dụ minh họa | 67 |
| CHƯƠNG III: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TRANG KHANH | 76 |
| 3.1 NGUYÊN TẮC CỦA VIỆC HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN..... | 76 |
| 3.2 ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TRANG KHANH | 76 |
| 3.2.1 Ưu điểm | 77 |
| 3.2.2 Nhược điểm | 78 |
| 3.3 MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TRANG KHANH | 79 |
| 3.3.1 Tính tất yếu của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh | 79 |
| 3.3.2 Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thép Trang Khanh | 80 |
| KẾT LUẬN | 87 |

LỜI MỞ ĐẦU

Nền kinh tế Việt Nam đang trên đà phát triển và đã có những bước tiến vượt bậc trong vài năm trở lại đây. Việc tham gia vào các tổ chức lớn giúp cho Việt Nam khẳng định được vị thế của mình trên trường quốc tế cả về văn hóa, chính trị, và kinh tế xã hội. Trong lĩnh vực kinh tế, các doanh nghiệp Việt Nam ngoài những cơ hội mới còn phải đối mặt với những khó khăn và thách thức mới, đặc biệt là sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp trong nước, công ty liên doanh và công ty nước ngoài. Tình thế đó đòi hỏi tất cả các doanh nghiệp phải có những định hướng kinh doanh linh hoạt để tồn tại và phát triển. Cùng với đó là quá trình hoạt động không ngừng của bộ máy kế toán bên trong các doanh nghiệp, kế toán cung cấp các thông tin kinh tế, tài chính hữu ích cho các đối tượng trong việc ra quyết định kinh tế hợp lý và hiệu quả. Vì vậy đòi hỏi thông tin kế toán phải trung thực, lành mạnh và đáng tin cậy nhằm giúp người sử dụng thông tin kế toán đưa ra được các quyết định đúng đắn. Thông qua Báo cáo tài chính cuối niên độ, cụ thể là Báo cáo kết quả kinh doanh Ban giám đốc có thể nắm rõ tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình sau một năm là lãi hay lỗ, phân tích nguyên nhân kết quả đạt được, từ đó đề ra những chiến lược và quyết định kinh doanh một cách đúng đắn trong thời gian tới.

Qua quá trình tìm hiểu về tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần thép Trang Khanh, em quyết định chọn đề tài: ***“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần thép Trang Khanh”*** làm đề tài khóa luận tốt nghiệp. Ngoài lời mở đầu và kết luận, đề tài khóa luận tốt nghiệp bao gồm 3 chương:

Chương I: Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương II: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần thép Trang Khanh.

Chương III: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần thép Trang Khanh.

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học dân lập Hải Phòng, đặc biệt là sự hướng dẫn tận tình của

giáo viên hướng dẫn Thạc sĩ Ninh Thị Thùy Trang. Đồng thời em xin cảm ơn sự giúp đỡ của Ban lãnh đạo và tập thể nhân viên phòng kế toán Công ty Cổ phần thép Trang Khanh đã tạo điều kiện để em hoàn thành bài khóa luận này. Do thời gian và trình độ có hạn nên bài viết này không thể tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy cô để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1.1 Sự cần thiết của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ

Để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp cần phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đáp ứng nhu cầu thị trường. Trong hoạt động sản xuất kinh doanh đó thì khâu tiêu thụ là khâu cuối cùng đóng vai trò quan trọng đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Ngoài phần doanh thu có được từ bán hàng và cung cấp dịch vụ thì doanh thu còn bao gồm khoản thu từ các hoạt động khác mang lại.

Việc tổ chức tốt khâu tiêu thụ sẽ đảm bảo nguồn tài chính cho doanh nghiệp trang trải các khoản chi phí hoạt động và thực hiện tốt quá trình tái sản xuất, tiếp tục mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, doanh thu còn là nguồn cung cấp để các doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Bên cạnh đó, doanh thu còn có thể là nguồn tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác. Tuy nhiên, nếu doanh thu trong kỳ không đủ bù đắp các khoản chi phí doanh nghiệp đã bỏ ra thì doanh nghiệp sẽ gặp nhiều khó khăn về mặt tài chính. Bên cạnh đó, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh còn là cơ sở để đánh giá hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời kỳ nhất định của doanh nghiệp, là điều kiện để cung cấp các thông tin cần thiết cho Ban lãnh đạo phân tích lựa chọn những phương án tối ưu cho doanh nghiệp. Chính vì vậy, việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách khoa học, hợp lý và phù hợp có ý nghĩa quan trọng trong việc thu thập, xử lý và cung cấp

thông tin cho doanh nghiệp, cơ quan quản lý để doanh nghiệp phát triển bền vững hơn.

1.1.2 Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.2.1 Doanh thu

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu. Doanh thu bao gồm:

➤ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được từ việc bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có) trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Theo chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố theo quyết định 149/2001/QĐ - BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng BTC thì doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Theo chuẩn mực số 14 thì doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ.
- Xác định công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thời điểm ghi nhận doanh thu theo các phương thức bán hàng:

❖ Phương thức bán hàng trực tiếp

Theo phương thức bán hàng trực tiếp người mua đến nhận hàng tại kho doanh nghiệp bán. Sau khi người doanh nghiệp giao hàng, người mua kí vào hóa đơn chứng từ bán hàng chấp nhận thanh toán thì số hàng chuyển giao được xác định tiêu thụ và ghi nhận doanh thu.

❖ Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng

Theo phương thức này bên bán chuyển hàng cho bên mua theo các điều kiện đã ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi vẫn thuộc quyền kiểm soát của doanh nghiệp. Khi người mua chấp nhận thanh toán và ký nhận hàng thì toàn bộ lợi ích và rủi ro được chuyển giao toàn bộ cho người mua và thời điểm đó bên bán được ghi nhận doanh thu.

❖ Phương thức bán hàng gửi đại lý

Theo phương thức này doanh nghiệp giao hàng cho cơ sở đại lý, bên nhận đại lý sẽ trực tiếp bán hàng và phải thanh toán tiền hàng cho doanh nghiệp và được hưởng hoa hồng đại lý bán. Số hàng hóa gửi đại lý vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp, số hàng hóa này được xác định tiêu thụ khi doanh nghiệp nhận được tiền do bên đại lý thanh toán hoặc thông báo số hàng đã bán được.

❖ Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp

Phương thức này bán hàng sẽ phải thu tiền nhiều lần. Khi doanh nghiệp giao hàng cho khách hàng thì lượng hàng đó được xác định là tiêu thụ. Khách hàng sẽ thanh toán một phần tiền hàng ở ngay lần đầu để được nhận hàng, phần còn lại sẽ được trả dần trong một thời gian nhất định và phải chịu một khoản lãi suất đã được quy định trước trong hợp đồng.

❖ Phương thức hàng đổi hàng

Doanh nghiệp dùng hàng hóa của mình để đổi lấy những mặt hàng thiết yếu mà Công ty có nhu cầu. Giá trao đổi là hiện hành của vật tư, hàng hóa cung cấp trên thị trường.

➤ **Các khoản giảm trừ doanh thu:**

✓ **Chiết khấu thương mại:** Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng đã mua hàng với khối lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một khoảng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

✓ **Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) giảm trừ cho bên mua trong trường hợp: hàng hoá bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn đã ghi trong hợp đồng...

✓ **Hàng bán bị trả lại:** là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Khi doanh nghiệp ghi nhận giá trị hàng bán bị trả lại đồng thời ghi giảm tương ứng trị giá vốn hàng bán trong kỳ.

✓ **Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp:**

- Thuế tiêu thụ đặc biệt: là loại thuế được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh một số mặt hàng đặc biệt mà Nhà nước không khuyến khích.

- Thuế xuất khẩu: là loại thuế được đánh vào tất cả hàng hóa dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam.

- Thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp: là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Vì vậy, số tiền thuế GTGT phải nộp trong kỳ tương ứng với doanh thu của doanh nghiệp đã xác định.

➤ **Doanh thu thuần**

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ với các khoản giảm trừ doanh thu.

➤ Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư phát triển, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa dịch vụ, lãi cho thuê tài chính, thu nhập từ cho thuê tài sản...

Theo chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”, doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

Theo chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”, doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi tức được chia ghi nhận trên cơ sở:

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.
- Cổ tức và lợi nhuận được chia ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

➤ Thu nhập khác

Thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu

Thu nhập khác quy định trong chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” bao gồm các khoản thu từ hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu gồm:

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ;
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
- Thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước;
- Các khoản thu khác.

1.1.2.2 Chi phí

Theo chuẩn mực số 01 QĐ số 165/2002/QĐ – BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính chi phí bao gồm các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình kinh doanh thông thường của doanh nghiệp và các chi phí khác. Chi phí bao gồm các khoản sau:

➤ **Giá vốn hàng bán:**

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của một số sản phẩm hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

➤ **Chi phí quản lý kinh doanh:**

Chi phí quản lý kinh doanh là những khoản chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, quản lý của doanh nghiệp như chi phí quảng cáo, chi phí hoa hồng đại lý, chi phí nhân viên bán hàng, chi phí lương nhân viên, khấu hao tài sản cố định, các khoản thuế lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài...

➤ **Chi phí tài chính:**

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

➤ **Chi phí khác:**

Chi phí khác là các khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp như: chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại, tiền phạt do vi phạm hợp đồng (nếu có).

➤ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:**

Thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là

khoản chi phí phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành. Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế xuất thuế TNDN}$$

1.1.2.3 Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi, lỗ từ các loại hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

$$\begin{array}{l} \text{Doanh thu thuần về bán} \\ \text{hàng và cung cấp dịch vụ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu bán hàng và} \\ \text{cung cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản giảm} \\ \text{trừ doanh thu} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận gộp về bán hàng và} \\ \text{cung cấp dịch vụ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu thuần về bán hàng và} \\ \text{cung cấp dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá vốn hàng} \\ \text{bán} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận thuần} \\ \text{từ hoạt động kinh} \\ \text{doanh} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lợi nhuận gộp} \\ \text{về bán hàng và} \\ \text{CCDV} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Doanh thu} \\ \text{hoạt động} \\ \text{tài chính} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{tài} \\ \text{chính} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{quản lý} \\ \text{kinh} \\ \text{doanh} \end{array}$$

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

$$\begin{array}{l} \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước} \\ \text{thuế} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động} \\ \text{kinh doanh} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Lợi nhuận} \\ \text{khác} \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Lợi nhuận sau thuế thu nhập} \\ \text{doanh nghiệp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng lợi nhuận kế toán} \\ \text{trước thuế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Chi phí thuế thu nhập} \\ \text{doanh nghiệp} \end{array}$$

1.1.3 Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về mặt số lượng, chất lượng, chủng loại, quy cách, mẫu mã... đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ bán ra.
- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời các khoản doanh thu và giảm trừ doanh thu, các chi phí phát sinh để cuối kỳ tập hợp, doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh.
- Theo dõi thường xuyên, liên tục, tình hình biến động tăng, giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác.
- Theo dõi chi tiết các tài khoản giảm trừ doanh thu, các khoản phải thu, chi phí từng hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.
- Xác định chính xác kết quả hoạt động kinh doanh, theo dõi tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.
- Cung cấp các thông tin kế toán chính xác, kịp thời phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.
- Xác lập được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.
- Đưa ra những ý kiến, biện pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp cho ban lãnh đạo có những kế hoạch cụ thể cho hoạt động của doanh nghiệp.

1.2 NỘI DUNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu của doanh nghiệp vừa và nhỏ

1.2.1.1 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn giá trị gia tăng;
- Phiếu xuất khi bán hàng, phiếu nhập kho hàng bán bị trả lại;
- Phiếu thu, phiếu chi;
- Giấy báo có của ngân hàng;
- Ủy nhiệm thu;
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan.

1.2.1.2 Tài khoản kế toán sử dụng

❖ Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết cấu của tài khoản 511:

✚ Bên Nợ:

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là bán trong kỳ kế toán.

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

- Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

✚ Bên Có:

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

✚ Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ và được chi tiết thành 4 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5111: Doanh thu bán hàng hóa
- Tài khoản 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 5118: Doanh thu khác

❖ Tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm doanh thu phát sinh trong quá trình thanh toán khi khách hàng mua hàng với số lượng lớn, hàng hóa bị khách hàng trả lại, hoặc hàng bán được giảm giá.

✚ Bên Nợ:

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.
- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền hàng cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán.
- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách trong hợp đồng kinh tế.

✚ Bên Có:

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ các khoản giảm trừ doanh thu sang tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu của kỳ kế toán.

✚ Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ và có 3 tài khoản cấp 2:

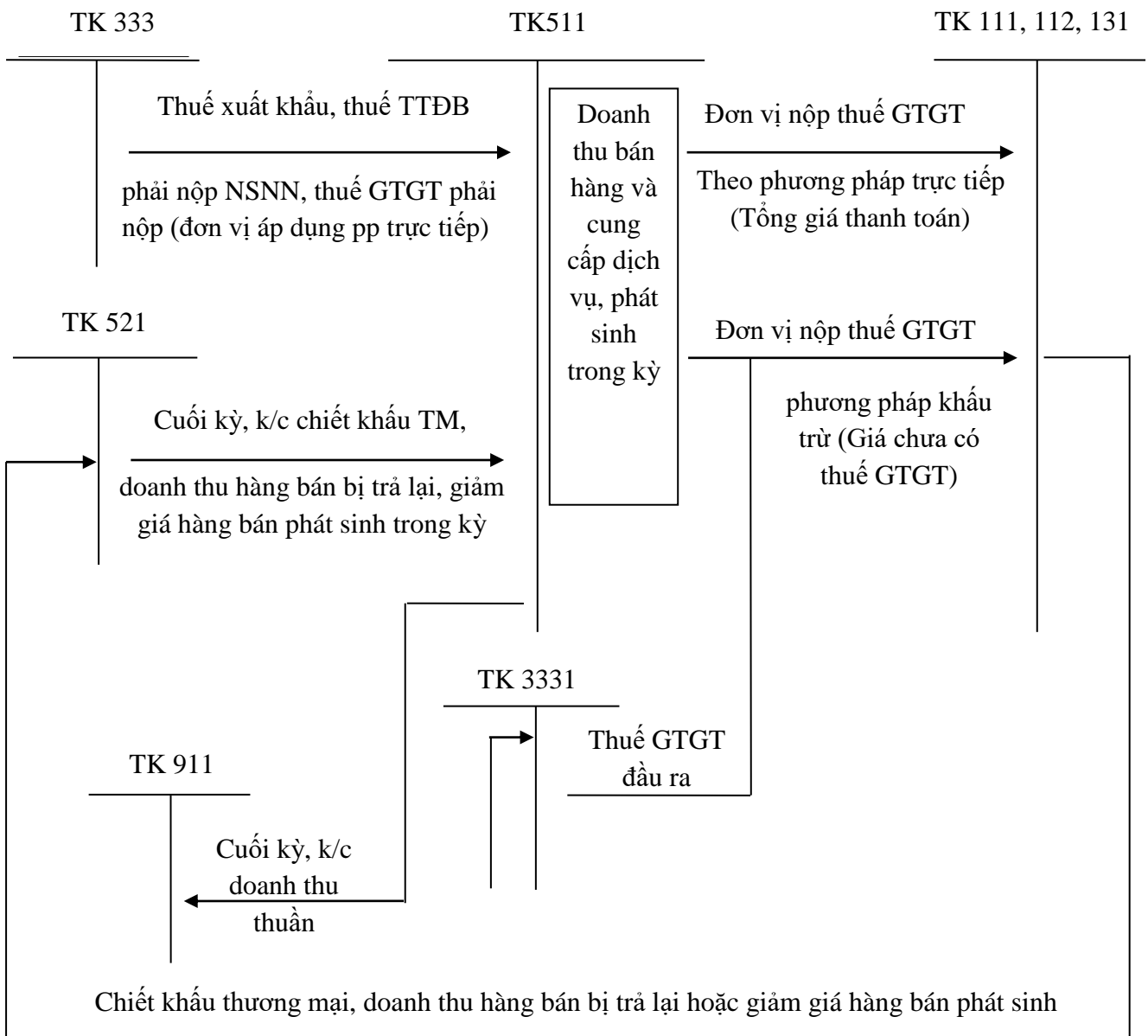
- Tài khoản 5211: Chiết khấu thương mại
- Tài khoản 5212: Hàng bán bị trả lại
- Tài khoản 5213: Giảm giá hàng bán

Ngoài ra để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu kế toán còn sử dụng các tài khoản như:

- TK 3332 “Thuế tiêu thụ đặc biệt”
- TK 3333 “Thuế xuất khẩu”
- TK 3331 “Thuế GTGT phải nộp”

1.2.1.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát qua sơ đồ 1.1:



Sơ đồ 1.1: Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán

• Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho:

– **Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO)**

Áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được

mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì trị giá xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở những lần nhập sau cùng.

- **Phương pháp nhập sau - xuất trước (LIFO)**

Áp dụng dựa trên giả định hàng nào nhập sau thì xuất trước, lấy đơn giá bằng đơn giá nhập. Theo phương pháp này thì trị giá lô hàng được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, trị giá lô hàng được tính theo giá của lô hàng những lần nhập đầu tiên.

- **Phương pháp bình quân gia quyền**

Trị giá thực tế của hàng xuất kho được căn cứ vào số lượng vật tư xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền theo công thức:

$$\text{Trị giá vốn thực tế của hàng xuất kho} = \text{Số lượng hàng xuất kho} * \text{Đơn giá bình quân gia quyền}$$

Nếu đơn giá bình quân được tính cho cả kỳ được gọi là phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá thực tế của hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị mua thực tế của hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập kho trong kỳ}}$$

Nếu đơn giá bình quân được tính sau mỗi lần nhập được gọi là phương pháp bình quân liên hoàn:

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho sau lần nhập } i}$$

- **Phương pháp giá thực tế đích danh**

Được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được. Phương pháp này căn cứ vào số lượng xuất kho thuộc lô hàng nào và đơn giá thực tế của lô hàng đó.

1.2.2.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn GTGT
- Thẻ tính giá thành
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan

1.2.2.2 Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ.

▪ Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:

✚ Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Chi phí nguyên liệu, nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.
- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình xây dựng, tự chế hoàn thành.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

✚ Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.
- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

✚ Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

▪ Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

✚ Bên Nợ:

- Kết chuyển trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ.
- Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

✚ Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa tiêu thụ.
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ.
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính.
- Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

❖ Tài khoản 631 – Giá thành sản xuất

Tài khoản này dùng để phản ánh tổng hợp chi tiết sản xuất và tính giá thành dịch vụ ở các đơn vị sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, lâm nghiệp và các đơn vị kinh doanh dịch vụ vận tải, bưu điện, du lịch, khách sạn... trong trường hợp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

✚ Bên Nợ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ
- Chi phí sản xuất kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ.

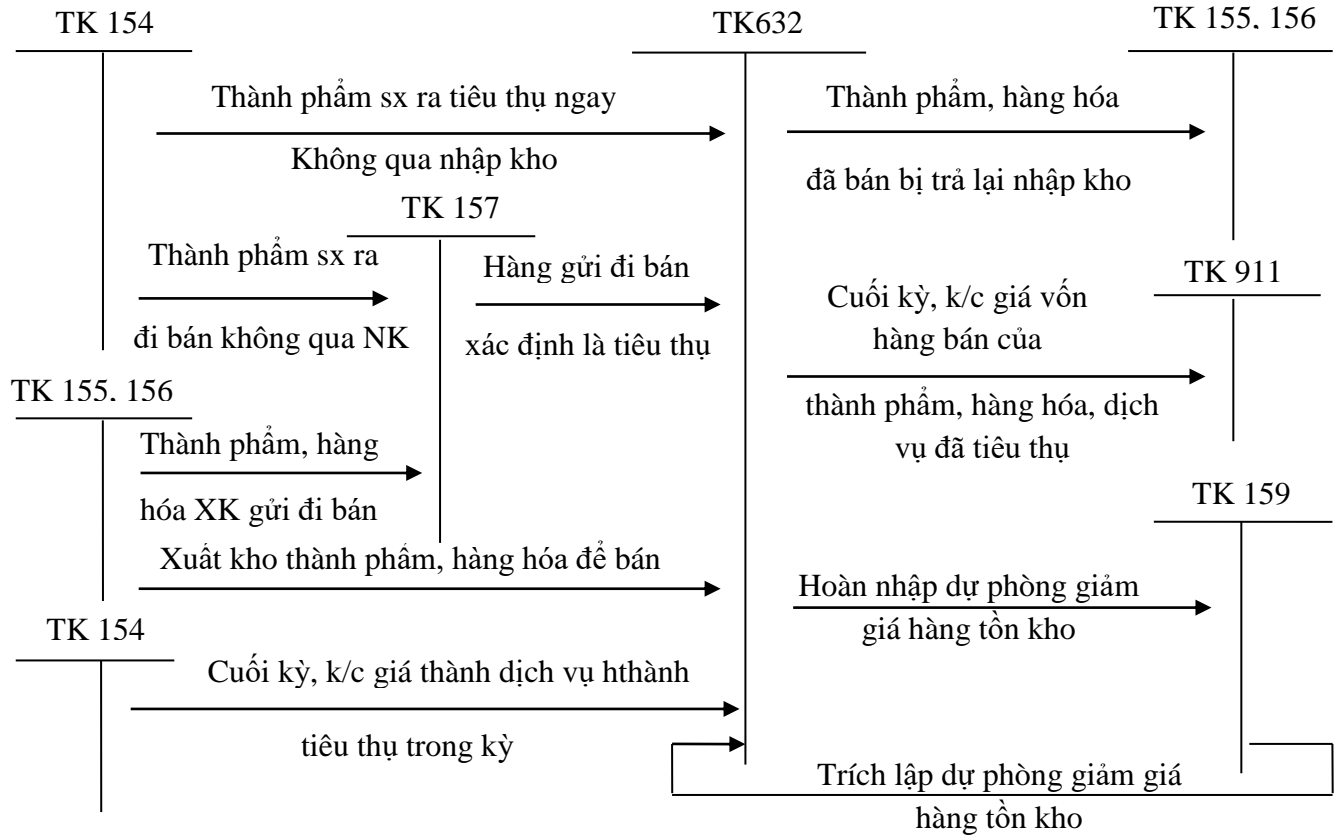
✚ Bên Có:

- Giá thành sản phẩm nhập kho, dịch vụ hoàn thành kết chuyển vào TK632 “Giá vốn hàng bán”.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dịch vụ dở dang cuối kỳ kết chuyển vào TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”.

✚ Tài khoản 631 không có số dư cuối kỳ.

1.2.2.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán được khái quát thông qua sơ đồ 1.2 và 1.3:



Sơ đồ 1.2: Kế toán giá vốn hàng bán (theo phương pháp kê khai thường xuyên)



Sơ đồ 1.3: Kế toán giá vốn hàng bán (theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

1.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.3.1 Chứng từ sử dụng

- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định.
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.
- Bảng phân bổ tiền lương và lao động xã hội.
- Hóa đơn GTGT, hóa đơn thông thường
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan

1.2.3.2 Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung, chi phí về bán hàng của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý

doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

✚ Bên Nợ:

- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ.
- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

✚ Bên Có:

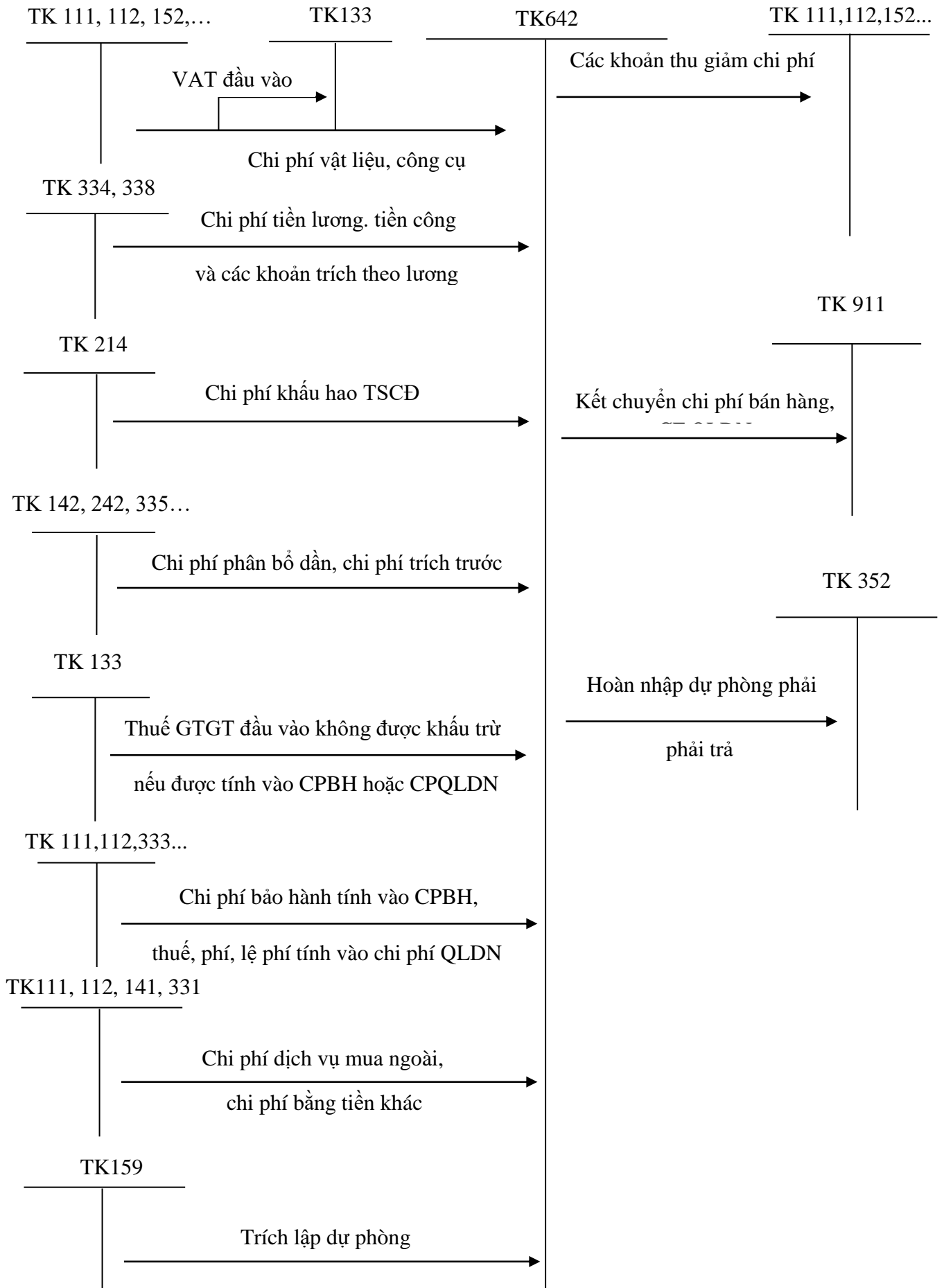
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.

✚ Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ và được chi tiết thành 2 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6421 – Chi phí bán hàng
- Tài khoản 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.3.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán chi phí quản lý kinh doanh được khái quát thông qua sơ đồ 1.4:



Sơ đồ 1.4: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.4 Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính

1.2.4.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.4.2 Tài khoản sử dụng

❖ TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

⚡ Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911

⚡ Bên Có:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.

- Chiết khấu thanh toán được hưởng
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.

- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính.

- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

⚡ Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

❖ Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính.

⚡ Bên Nợ:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản chính.
- Lỗ bán ngoại tệ
- Chiết khấu thanh toán cho người mua
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư.
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

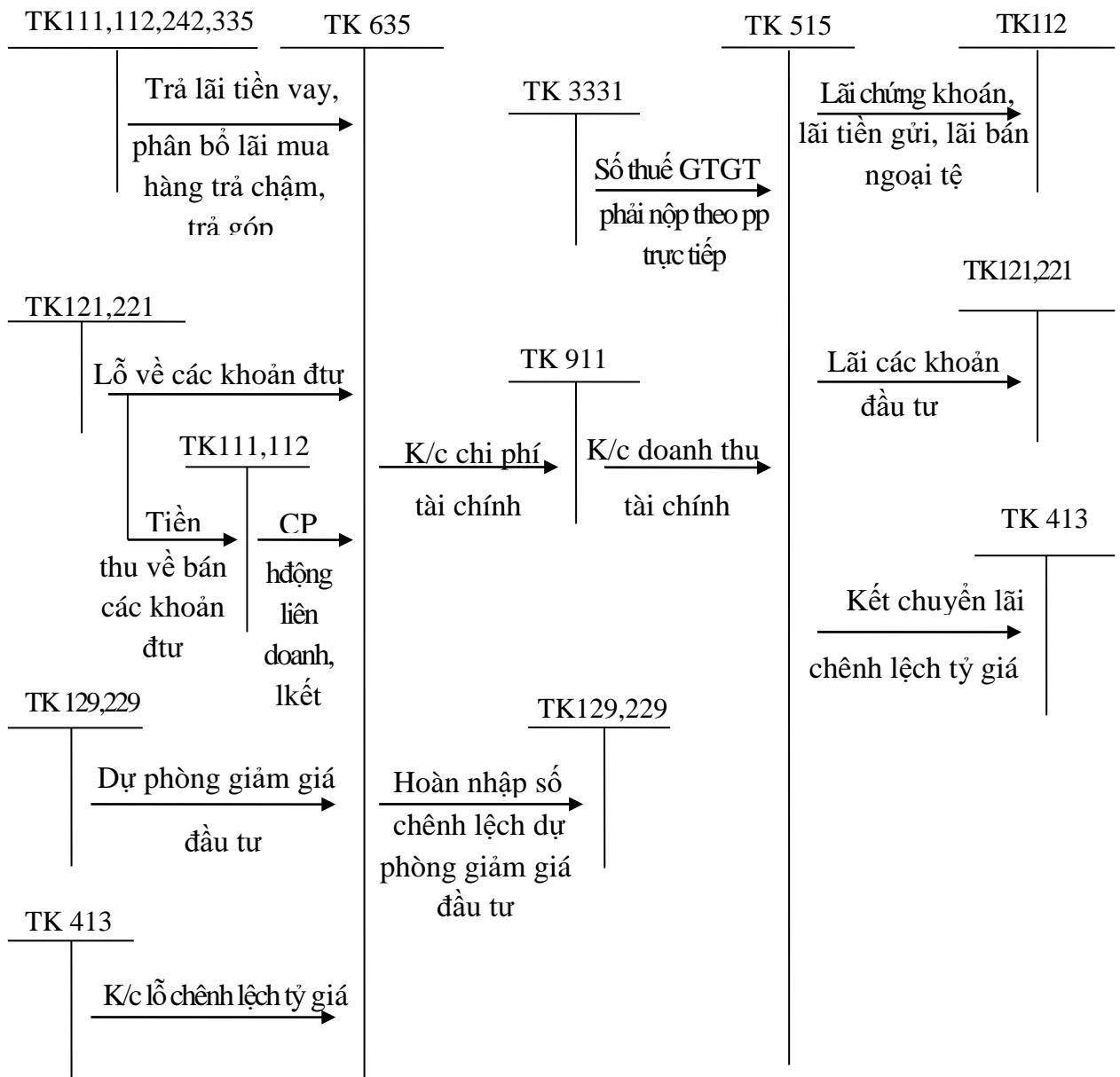
✚ Bên Có:

- Hoàn thành dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

✚ Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

1.2.4.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính được khái quát thông qua sơ đồ 1.5:



Sơ đồ 1.5: Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính

1.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.5.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi
- Biên bản bàn giao, thanh lý tài sản cố định
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan

1.2.5.2 Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 711 – Thu nhập khác

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

✚ Bên Nợ:

– Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

– Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

✚ Bên Có:

– Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

✚ Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

❖ Tài khoản 811 – Chi phí khác

Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

✚ Bên Nợ:

– Các khoản chi phí khác phát sinh

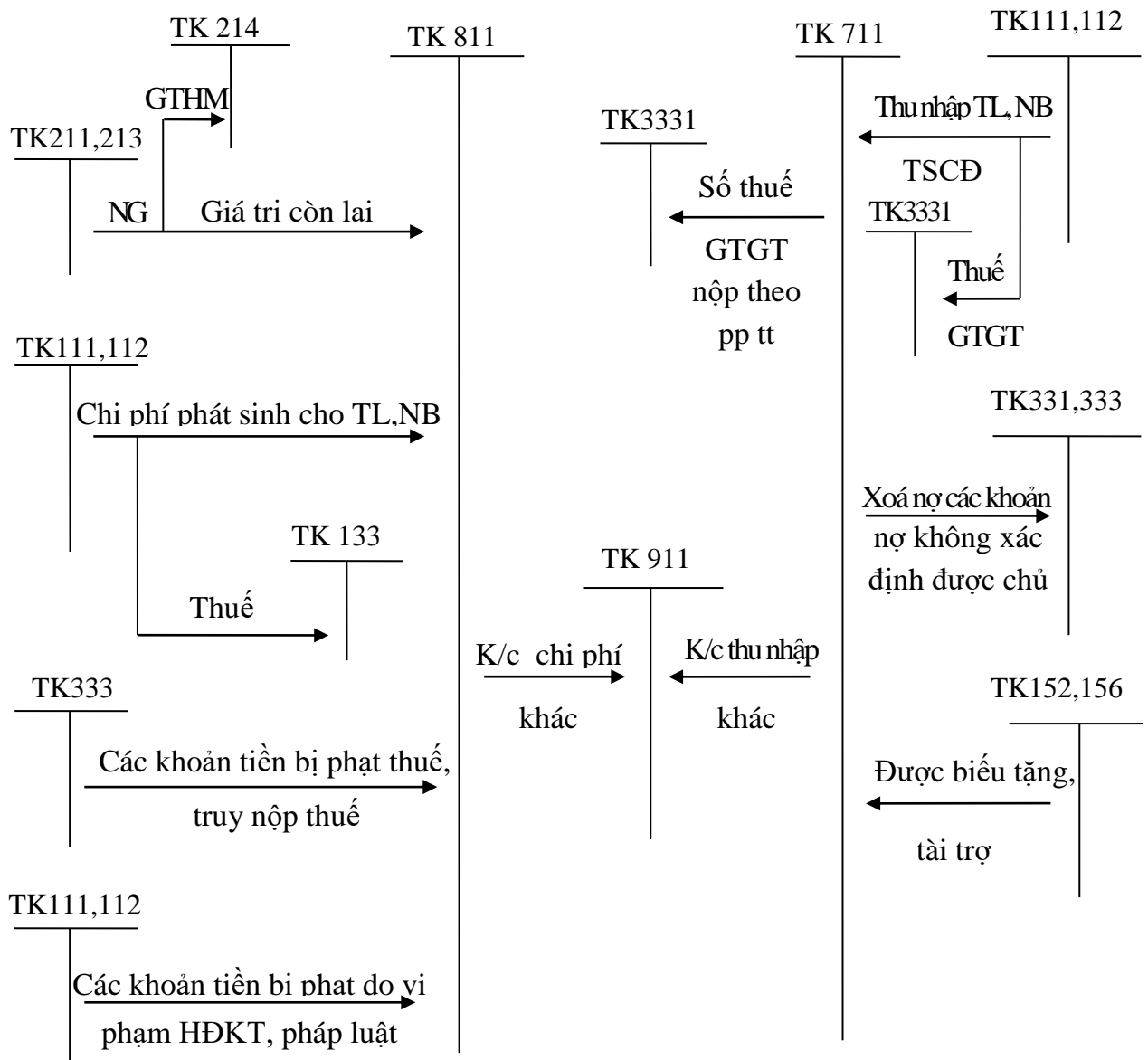
✚ Bên Có:

– Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

✚ Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

1.2.5.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát thông qua sơ đồ 1.6:



Sơ đồ 1.6: Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.6.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

1.2.6.2 Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để xác định, phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

+ Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán.
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác.
- Chi phí quản lý kinh doanh.
- Kết chuyển lãi.

+ Bên Có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thu nhập doanh nghiệp.
- Kết chuyển lỗ.

+ Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ**❖ Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

+ Bên Nợ:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm.

+ Bên Có:

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm.
- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.
- Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

+ Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.**❖ Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối**

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

✚ Bên Nợ:

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp.
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh.

- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
- Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

✚ Bên Có:

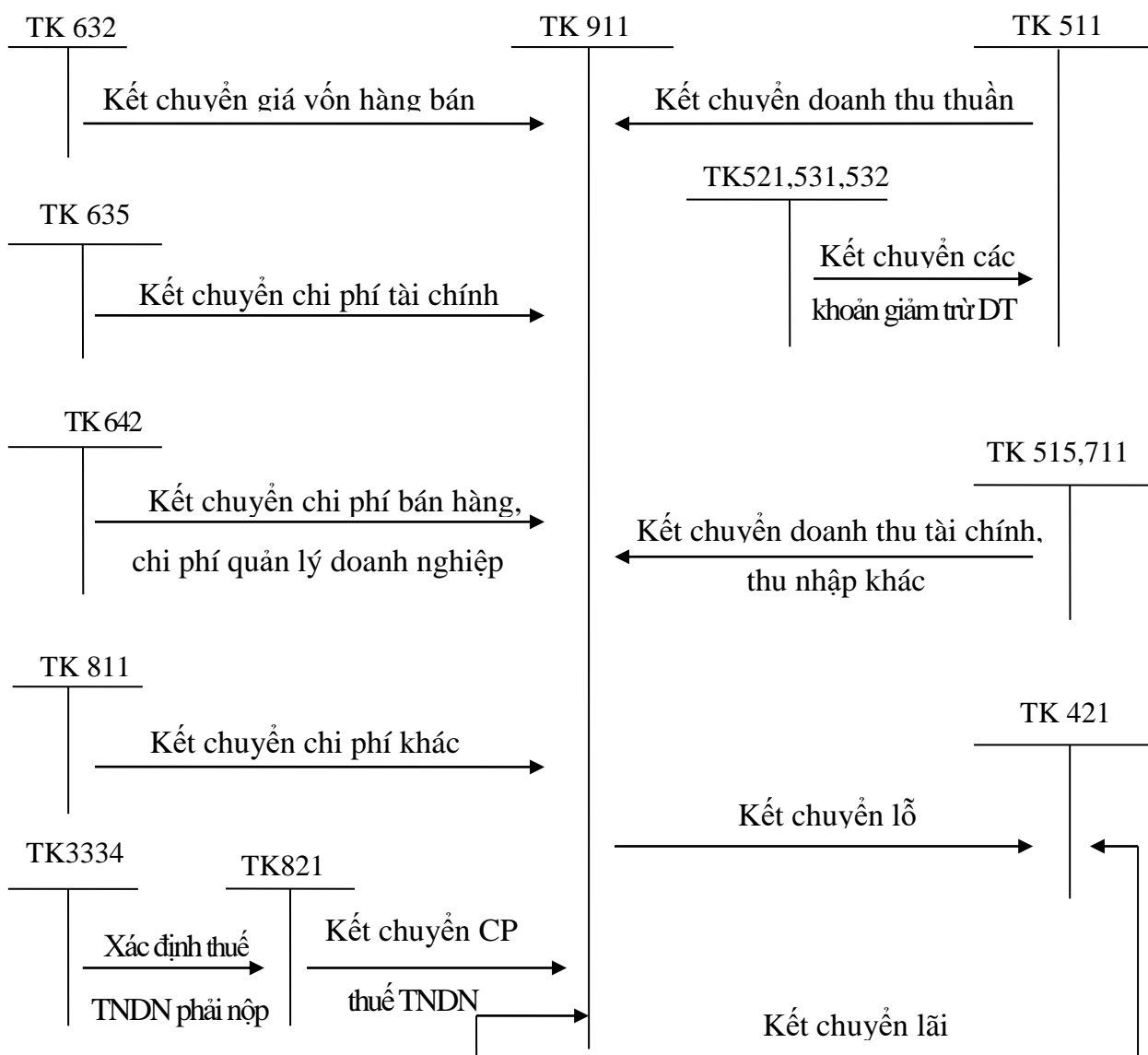
- Số lợi nhuận thực tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ
- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên bù.
- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

✚ Tài khoản 421 có 2 tiểu khoản cấp 2:

- Tài khoản 4211 – Lợi nhuận chưa phân phối năm trước.
- Tài khoản 4212 – Lợi nhuận chưa phân phối năm nay.

1.2.6.3 Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh được khái quát thông qua sơ đồ 1.7:



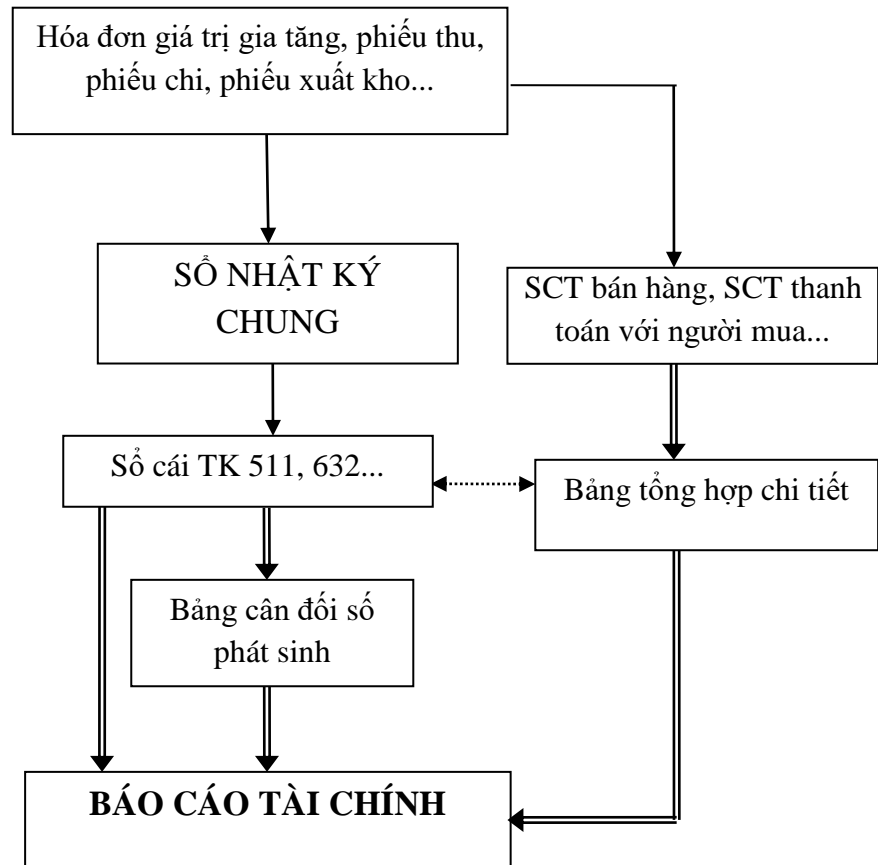
Sơ đồ 1.7: Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.3 TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN VÀO CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.3.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung

❖ **Đặc trưng cơ bản:** Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký chung để ghi sổ cái cho từng nghiệp vụ phát sinh.

- ❖ **Các loại sổ chủ yếu:**
 - Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt
 - Sổ cái
 - Các sổ, thẻ kế toán chi tiết
- ❖ **Trình tự ghi sổ:** Hình thức kế toán Nhật ký chung được thể hiện qua sơ đồ 1.8



Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày —————→
- Ghi cuối tháng ══════════→
- Đối chiếu, kiểm tra ←-----→

1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký sổ cái

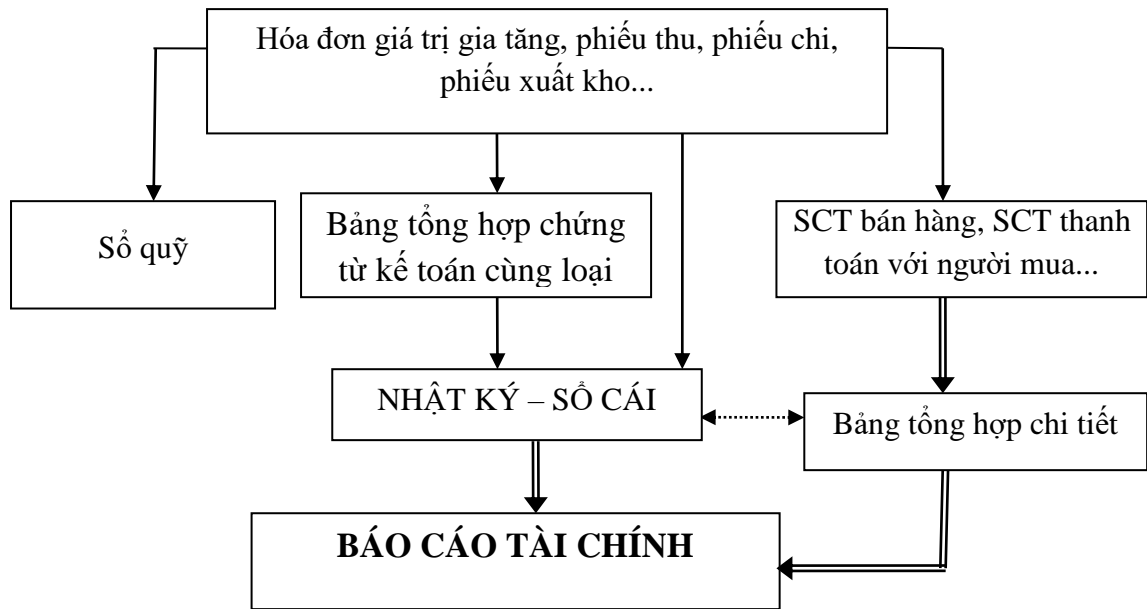
- ❖ **Đặc trưng cơ bản:** Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ cái. Căn cứ

vào sổ Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

❖ **Các loại sổ chủ yếu:**

- Nhật ký, sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

❖ **Trình tự ghi sổ:** Hình thức kế toán Nhật ký sổ cái được thể hiện qua sơ đồ 1.9



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày —————→
- Ghi cuối tháng ══════════→
- Đôi chiếu, kiểm tra ←──────────→

Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

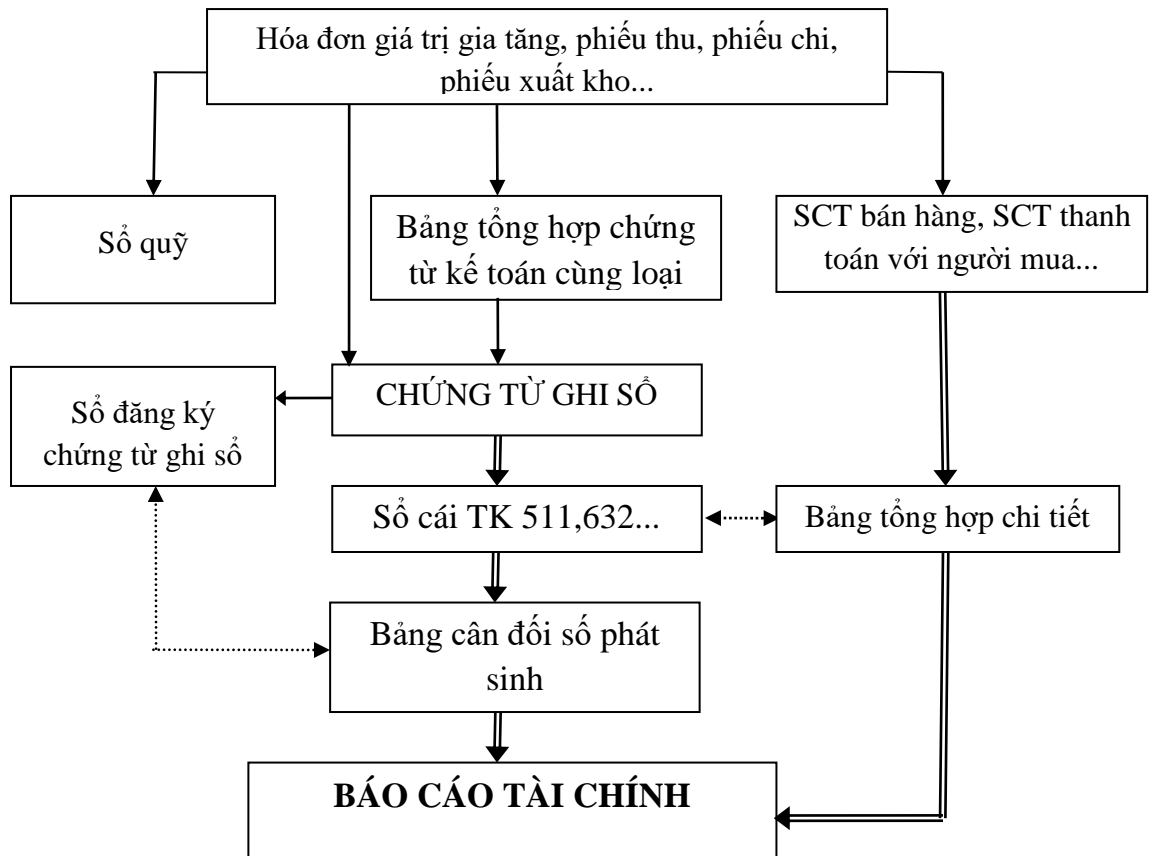
1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

❖ **Đặc trưng cơ bản:** Căn cứ để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”.

❖ **Các loại sổ chủ yếu:**

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Các sổ kế toán chi tiết

- ❖ **Trình tự ghi sổ:** Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ được thể hiện qua sơ đồ 1.10



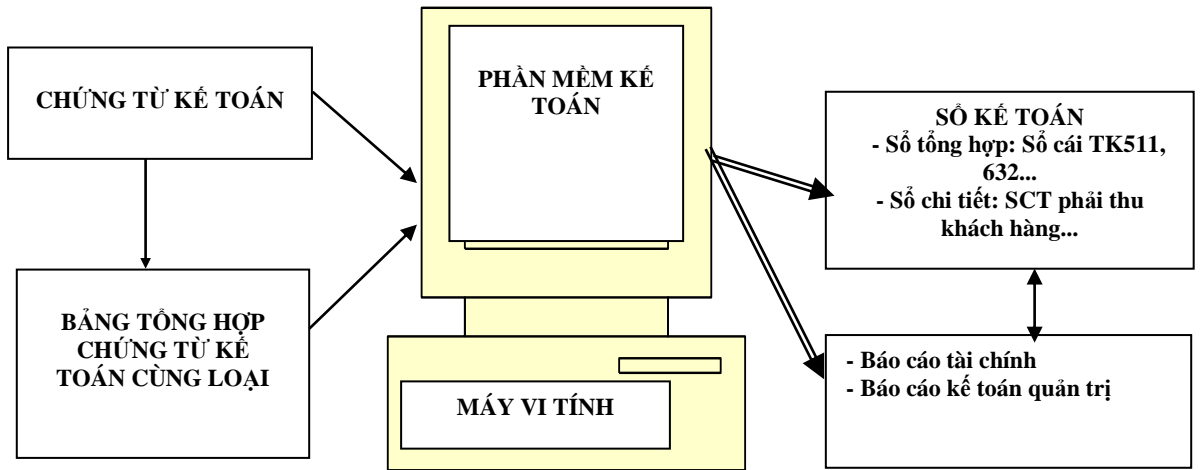
Ghi chú:

| | |
|---------------------|--------------|
| Ghi hàng ngày | —————→ |
| Ghi cuối tháng | ══════════→ |
| Đối chiếu, kiểm tra | ←──────────→ |

Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

1.3.4 Hình thức kế toán trên máy vi tính

- ❖ **Đặc trưng cơ bản:** Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán trên.
- ❖ **Các loại sổ chủ yếu:** Phần mềm kế toán được thiết lập theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó.
- ❖ **Trình tự ghi sổ:** Hình thức kế toán máy được thể hiện qua sơ đồ 1.11



Ghi chú:

Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng



Đối chiếu, kiểm tra



Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TRANG KHANH

2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TRANG KHANH

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần thép Trang Khanh thành lập ngày 19 tháng 10 năm 2007 với đăng ký giấy phép kinh doanh 0201725327 theo quyết định số 427/QP ngày 19/03/1985 của Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành Phố Hải Phòng.

- Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TRANG KHANH
- Đăng ký kinh doanh ngày: 12/05/2016
- Mã số thuế : 0201725327
- Địa chỉ : Số 197, lô 22, đường Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.
- Điện thoại : 03138604376

Công ty Cổ phần thép Trang Khanh là đơn vị hạch toán độc lập, có tư cách pháp nhân, được mở các tài khoản tại ngân hàng trong và ngoài nước, được sử dụng con dấu riêng theo mẫu quy định của ngân hàng.

Đi vào hoạt động được hơn 10 năm cùng với sự phát triển đi lên của nền kinh tế đất nước, sự hòa nhập trong công cuộc đổi mới, công ty đã không ngừng phát triển đi lên cùng sự phát triển của đất nước và đạt được những thành quả đáng ghi nhận. Công ty luôn hoàn thành kế hoạch đã đề ra, bảo toàn và phát triển nguồn vốn đồng thời luôn mang lại lợi ích cho người lao động. Bên cạnh đó công ty không ngừng hoàn thiện và nâng cao chất lượng, số lượng đội ngũ công nhân viên, trang thiết bị máy móc hiện đại hơn đảm bảo cho quá trình kinh doanh của công ty. Qua đó cho thấy sự phát triển mạnh mẽ, vượt bậc của công ty trong thời gian qua và giúp công ty khẳng định được vị thế, đứng vững trên thị trường.

Công ty đã quyết định lựa chọn lĩnh vực kinh doanh thương mại chủ yếu là chuyên phân phối và cung cấp các sản phẩm vật liệu xây dựng và thương mại.

Công ty hoạt động trong vòng xoáy cạnh tranh của thị trường, đi kèm với những cơ hội là thách thức của sân chơi lớn mở ra cho các doanh nghiệp.

Trải qua hơn 10 năm xây dựng và phát triển, công ty đã đạt được những thành quả nhất định trong lĩnh vực kinh doanh của mình. Suốt thời gian đó, bên cạnh những thuận lợi công ty cũng gặp không ít những khó khăn.

- **Thuận lợi**

- Sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của ban giám đốc và các công ty hợp tác.
- Công ty có đội ngũ cán bộ công nhân viên trẻ, năng động, có thời gian công tác lâu năm, có tinh thần đoàn kết năng động sáng tạo và ý thức trách nhiệm trong công việc.

- Công ty đã khai thác, tận dụng lợi thế của mình để tăng nguồn vốn của mình. Công ty luôn gương mẫu và ưu tiên hàng đầu trong việc nộp các khoản thuế, phí, lệ phí cho Ngân sách nhà nước và thu nhập ổn định cho công nhân viên.

- Chính vì thế đã tạo ra uy tín và được khách hàng đánh giá rất cao.

- **Khó khăn**

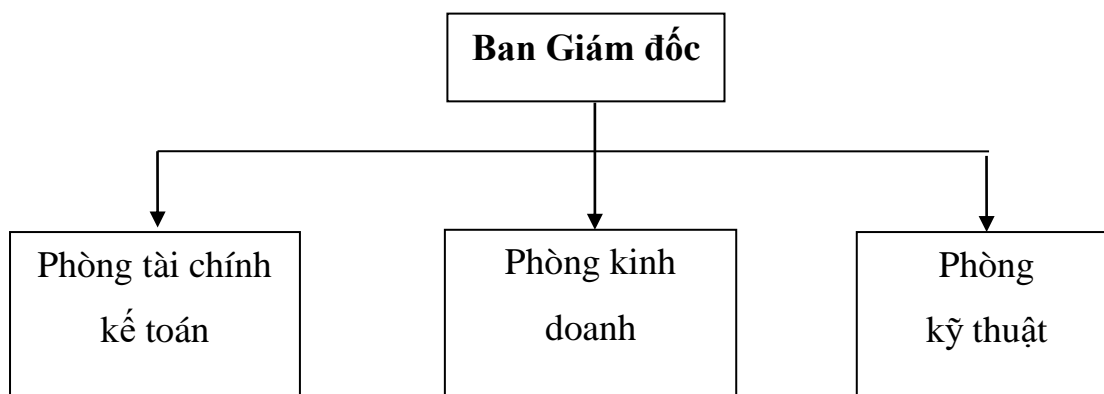
- Ngay từ ngày đầu thành lập công ty đã bị ảnh hưởng của suy thoái nền kinh tế trong và ngoài nước khiến công ty gặp khó khăn trong việc phát triển khách hàng.

- Trên địa bàn có rất nhiều doanh nghiệp cùng kinh doanh trong lĩnh vực này, do đó đối thủ cạnh tranh tương đối lớn đòi hỏi công ty cần làm tốt công tác thị trường và dịch vụ chăm sóc khách hàng để thu hút khách hàng.

Trong giai đoạn hiện nay Ban lãnh đạo và toàn thể nhân viên công ty luôn cố gắng nỗ lực khắc phục khó khăn, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

2.1.2 Mô hình tổ chức bộ máy quản lý công ty

Tổ chức bộ máy quản lý của công ty có vai trò quan trọng trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp tạo nên sự thống nhất nhịp nhàng giữa các bộ phận trong doanh nghiệp. Đảm bảo cho việc tăng cường công tác kiểm tra giám sát chỉ đạo và nâng cao hiệu quả kinh doanh, doanh nghiệp đã thiết lập một bộ máy quản lý gọn nhẹ nhất.

Sơ đồ 2.1: Mô hình tổ chức bộ máy quản lý**Công ty Cổ phần thép Trang Khanh****Chức năng và nhiệm vụ của các phòng ban****▪ Giám đốc:**

Là người đứng đầu bộ máy quản lý của công ty, là người chịu trách nhiệm cao nhất trước Nhà nước về hoạt động kinh doanh của công ty và là người chỉ huy cao nhất, điều hành mọi hoạt động kinh doanh của công ty có hiệu quả, việc làm cho cán bộ công nhân viên và sử dụng vốn có hiệu quả và thực hiện nghĩa vụ của công ty đối với ngân sách nhà nước. Giám đốc có quyền quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ công nhân viên dưới quyền; ký kết các hợp đồng kinh tế theo luật định; Giám đốc có quyền tuyển dụng; thuê mướn và bố trí sử dụng lao động phù hợp với bộ luật lao động.

▪ Phòng kinh doanh:

Phòng kinh doanh có nhiệm vụ tiến hành xây dựng triển khai thực hiện các kế hoạch kinh doanh, tổng hợp và phân tích kết quả kinh doanh của công ty. Bên cạnh đó, phòng kinh doanh còn phụ trách giao dịch, ký kết các hợp đồng với khách hàng. Tổ chức hoạt động Marketing để duy trì và mở rộng thị trường, đa dạng các hình thức dịch vụ, tăng hiệu quả kinh doanh.

▪ Phòng tài chính - kế toán:

- Phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày trên máy tính đúng luật kế toán thống kê theo quy định của Nhà nước.

- Quản lý tài chính, cung cấp các thông tin tài chính của doanh nghiệp làm cơ sở lập kế hoạch dự án đầu tư tham mưu cho giám đốc về biện pháp sử dụng vốn có hiệu quả, tiết kiệm.

- Lập báo cáo kết quả tài chính của doanh nghiệp là cơ sở lập kế hoạch dự án đầu tư tham mưu cho giám đốc về biện pháp sử dụng vốn có hiệu quả, tiết kiệm.

- Lập báo cáo kết quả hoạt động tài chính của Công ty mình ban giám đốc phê duyệt và công khai hóa các số liệu khi được ban giám đốc ủy quyền.

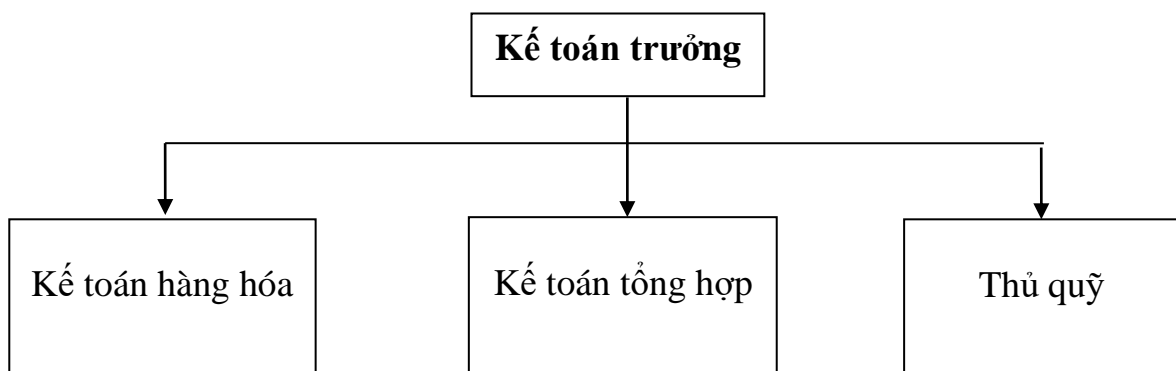
▪ **Bộ phận kỹ thuật triển khai:**

Bộ phận kỹ thuật triển khai có chức năng nhiệm vụ hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh bán hàng, kinh doanh dự án. Có trách nhiệm trực tiếp thi công các dự án, hỗ trợ vận hành và hướng dẫn sử dụng cho khách hàng.

2.1.3 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ Phần thép Trang Khanh

2.1.3.1 Tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty

Bộ máy kế toán của Công ty là tập hợp những cán bộ công nhân viên kế toán cùng những trang thiết bị, phương tiện kỹ thuật tính toán để thực hiện toàn bộ công tác kế toán của Công ty. Công ty TNHH cổ phần thép Trang Khanh tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung. Phòng kế toán công ty có chức năng tham mưu cho Ban giám đốc tổ chức triển khai toàn bộ công tác tài chính, thông tin kinh tế và hạch toán kinh tế theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty, đồng thời kiểm tra, kiểm soát mọi hoạt động kinh tế tài chính của công ty theo đúng pháp luật. Phòng kế toán của công ty bao gồm 4 người gồm kế toán trưởng, kế toán hàng hóa, kế toán tổng hợp và thủ quỹ.



**Sơ đồ 2.2: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán
Công ty Cổ phần thép Trang Khanh**

✓ Kế toán trưởng:

Tổ chức và phân công nhiệm vụ cho từng nhân viên kế toán trực tiếp kiểm tra nghiệp vụ kinh tế phát sinh, ký duyệt chứng từ và báo cáo trước khi trình Giám đốc. Cung cấp thông tin kịp thời phục vụ cho việc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, không ngừng củng cố và hoàn thiện chế độ hạch toán kế toán trong đơn vị, kiểm tra kiểm soát việc chấp hành quy chế tài chính và luật pháp.

✓ Thủ quỹ:

Quản lý tiền mặt của công ty, thu và chi tiền mặt khi có lệnh. Hàng tháng phải kiểm kê số tiền thu hiện thu và chi đối chiếu với sổ sách các bộ phận có liên quan.

✓ Kế toán hàng hóa:

Theo dõi tình hình nhập – xuất – tồn của hàng hóa trong toàn công ty.

✓ Kế toán tổng hợp:

Theo dõi tình hình tăng giảm và sử dụng tài sản cố định, theo dõi các khoản mục tạm ứng, công nợ... ghi chép các sổ sách, tập hợp chứng từ, lập báo cáo tổng hợp, giúp kế toán trưởng thực hiện các công việc tính giá thành sản phẩm, báo cáo lãi lỗ, bảng kê khai và các báo cáo tài chính đầy đủ, đúng hạn theo quy định.

2.1.3.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty.

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là: đồng Việt Nam (VNĐ)
- Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.
- Phương pháp nộp thuế GTGT: phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp khấu hao áp dụng: phương pháp khấu hao đường thẳng.

2.1.3.3. Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản

Công ty Cổ phần thép Trang Khanh tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

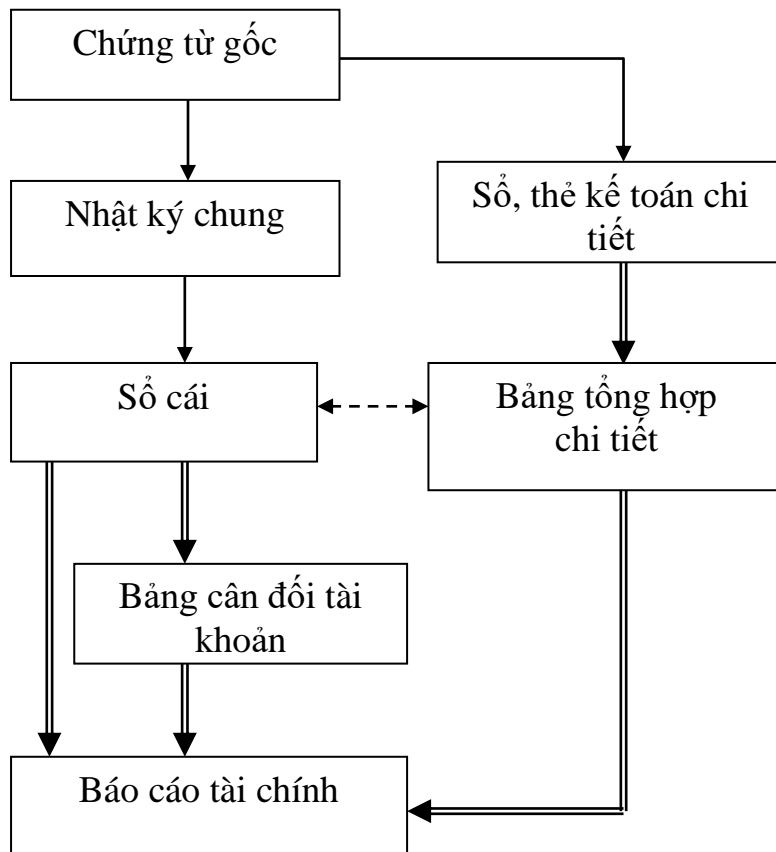
2.1.3.4. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ Nhật ký chung. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và định khoản kế toán của nghiệp vụ đó, sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

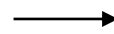
Hệ thống sổ sách mà Công ty đang sử dụng bao gồm:

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái các tài khoản.
- Các sổ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty Cổ phần thép Trang Khanh



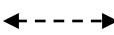
Ghi chú: Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng



Đối chiếu, kiểm tra



Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc, kế toán tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ, hợp pháp và tính chính xác của các nghiệp vụ đó vào sổ Nhật ký

chung. Căn cứ số liệu ghi trên Nhật ký chung, kế toán phản ánh các số liệu đó vào sổ cái tài khoản liên quan.

- Đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi vào sổ chi tiết các tài khoản.

- Cuối tháng tổng hợp số liệu từ sổ chi tiết làm căn cứ lập sổ tổng hợp chi tiết.

- Cùng với đó, tại thời điểm cuối tháng, kế toán tiến hành cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh.

- Để đảm bảo tính chính xác của số liệu, kế toán tiến hành đối chiếu, khớp số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết.

- Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết để lập báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung là: tổng hợp phát sinh nợ và tổng hợp phát sinh có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh nợ và phát sinh có trên sổ Nhật ký chung.

2.1.3.5. Tổ chức hệ thống Báo cáo tài chính tại Công ty

Hệ thống báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần thép Trang Khanh bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01-DNN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02-DNN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu B03-DNN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09-DNN)
- Bảng Cân đối tài khoản (Mẫu số F01- DNN)

2.2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TRANG KHANH

Công ty Cổ phần thép Trang Khanh là công ty thương mại cung cấp các sản phẩm dịch vụ nên công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được các nhà quản lý đặc biệt quan tâm. Không chỉ là mục tiêu lợi nhuận mà quan trọng là chất lượng và khả năng cung cấp dịch vụ, đáp ứng nhu

cầu kinh tế của doanh nghiệp. Hơn nữa, quá trình này phản ánh tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, là cơ sở để xác định nguồn tài chính cho những chiến lược mang tính tài chính của Công ty.

2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ phần thép Trang Khanh

2.2.1.1 Nội dung doanh thu bán hàng tại Công ty Cổ phần thép Trang Khanh

Doanh thu chủ yếu của Công ty Cổ phần thép Trang Khanh là doanh thu bán các vật liệu xây dựng như thép... cho doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

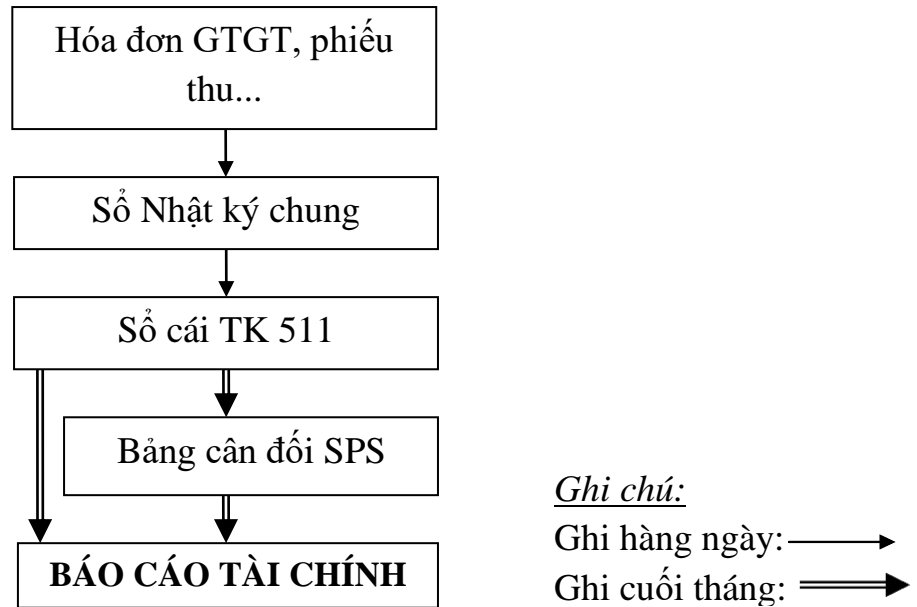
2.2.1.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Hợp đồng kinh tế
- Phiếu thu
- Giấy báo có của Ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 131 – Phải thu khách hàng
- TK 111 – Tiền mặt
- TK 112 – Tiền gửi ngân hàng
- TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

2.2.1.3 Quy trình hạch toán**Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng của Công ty Cổ phần thép Trang Khanh**

Hàng ngày, căn cứ vào hóa đơn GTGT cùng với các chứng từ liên quan, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung và đồng thời ghi sổ chi tiết các tài khoản và từ số liệu trên sổ Nhật ký chung ghi vào sổ cái tài khoản.

Cuối tháng, kế toán tiến hành cộng số liệu trên Sổ cái các TK 511, 131, 3331... lập Bảng cân đối số phát sinh.

Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

2.2.1.4 Ví dụ minh họa

Ví dụ 2.1: Ngày 30/12/2016, Công ty bán Thép Ø12 với đơn giá 13.005.000 VNĐ cho Công ty CP phát triển Hàng Hải. Thuế suất thuế GTGT là 10%, giá vốn của lô thép là 10.732.537 VNĐ. Khách hàng chưa thanh toán.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000748 (Biểu số 2.1) và các chứng từ khác liên quan kế toán phản ánh vào sổ sách kế toán theo định khoản sau:

| | | |
|-------------|-------------|------------|
| Định khoản: | Nợ TK 632 : | 10.732.537 |
| | Có TK 156 : | 10.732.537 |
| | Nợ TK 131: | 14.305.500 |
| | Có TK 3331: | 1.300.500 |
| | Có TK 511: | 13.005.000 |

Từ bút toán trên kế toán phản ánh doanh thu bán hàng vào Sổ nhật ký chung (Biểu số 2.2) và từ sổ Nhật ký chung kế toán phản ánh vào Sổ cái TK 511 (Biểu số 2.3), Sổ cái TK 131, Sổ cái TK 333.

Cuối kỳ lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT

| | | | | | |
|---|------------------------------|----------------------------|---------------------|--------------------------------------|-------------------|
| HÓA ĐƠN | | | Mẫu số: 01GTKT3/001 | | |
| GIÁ TRỊ GIA TĂNG | | | Ký hiệu: AA/15P | | |
| Liên 3: Nội bộ | | | Số: 0000748 | | |
| <i>Ngày 30 tháng 12 năm 2016</i> | | | | | |
| Đơn vị bán hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TRANG KHANH | | | | | |
| Địa chỉ: Số 197, Lô 22, đường Lê Hồng Phong, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng | | | | | |
| Số tài khoản: | | | | | |
| Điện thoại: 03138.604.376 | | | Fax: | | |
| Mã số thuế: | | | | | |
| Họ tên người mua hàng: Nguyễn Đức Cảnh | | | | | |
| Tên đơn vị: Công ty cổ phần phát triển Hàng Hải | | | | | |
| Địa chỉ: Số 11 Võ Thị Sáu, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng | | | | | |
| Hình thức thanh toán : Tiền mặt | | | Số tài khoản:..... | | |
| Mã số thuế: | | | | | |
| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
| A | B | C | 1 | 2 | 3=1*2 |
| 1. | Thép Ø12 | Tấn | 1 | 13.005.000 | 13.005.000 |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| Cộng tiền hàng : | | | | | 13.005.000 |
| Thuế suất GTGT : 10%, Tiền thuế GTGT: | | | | | 1.300.500 |
| Tổng cộng thanh toán : | | | | | 14.305.500 |
| Số tiền viết bằng chữ : Mười bốn triệu ba trăm linh năm nghìn năm trăm đồng chẵn. | | | | | |
| Người mua hàng | | Người bán hàng | | Thủ trưởng đơn vị | |
| <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i> | | <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i> | | <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i> | |

Biểu 2.2: Trích sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty Cổ phần thép Trang Khanh
Địa chỉ: 197, lô 22, Lê Hồng Phong NQ, HP

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

| NT ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | SH TK ĐƯ | Số phát sinh | |
|--------------|------------------------------|---------------|---|----------------------------------|--------------------------|---------------------------------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | E | F | I |
| | | | Số phát sinh | | | |
| | | | | | | |
| 15/11 | PC641 | 15/11 | Chi tiền điện thoại BPQL-T10 | 6422 133 111 | 603.310 60.331 | 663.641 |
| | | | | | | |
| 30/11 | PXK960 HĐ0000719 PT511 | 30/11 | Bán thép Ø6 cho anh Tùng thu tiền mặt | 632 156 111 511 3331 | 1.350.000 2.475.000 | 1.350.000 2.250.000 225.000 |
| | | | | | | |
| 17/12 | PXK971 HĐ0000730 PT522 | 17/12 | Bán thép Ø8 cho anh Linh thu tiền mặt | 632 156 111 511 3331 | 2.040.000 3.388.000 | 2.040.000 3.080.000 308.000 |
| | | | | | | |
| 30/12 | PXK989 HĐ0000748 | 30/12 | Bán thép Ø12 cho Cty CP phát triển Hàng Hải chưa thu tiền | 632 156 131 511 3331 | 10.732.537 14.305.500 | 10.732.537 13.005.000 1.300.500 |
| | | | | | | |
| | | | Cộng phát sinh cả năm | | 30.011.907.935 | 30.011.907.935 |

Số ngày có.... trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ: 01/01/2016

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.3: Trích sổ cái TK 511

Đơn vị: Công ty Cổ phần thép Trang Khanh
Địa chỉ: 197, lô 22, Lê Hồng Phong NQ, HP

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2016

Tên TK: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: TK 511

Đơn vị tính: đồng

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | SHTK đối ứng | Số tiền | |
|-------------------|-----------------------|--------------|--|--------------|----------------------|----------------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | E | F | I |
| | | | -Số phát sinh trong quý IV | | | |
| | | | | | | |
| 30/11 | HĐ 0000719 | 30/11 | Bán thép Ø6 cho anh Tùng thu tiền mặt | 111 | | 2.250.000 |
| | | | | | | |
| 17/12 | HĐ 0000730 | 17/12 | Bán thép Ø8 cho anh Linh thu tiền mặt | 111 | | 3.080.000 |
| | | | | | | |
| 30/12 | HĐ 0000748 | 30/12 | Bán thép Ø12 cho Cty CP phát triển Hàng Hải chưa thu tiền | 131 | | 13.005.000 |
| 31/12 | PKT41 | 31/12 | Kết chuyển doanh thu quý IV | 911 | 1.618.356.677 | |
| | | | Cộng phát sinh quý IV | | 1.618.356.677 | 1.618.356.677 |
| | | | Cộng phát sinh lũy kế cả năm | | 6.971.103.359 | 6.971.103.359 |

Số ngày có.... trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ: 01/01/2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ phần thép Trang Khanh

2.2.2.1 Nội dung của giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ phần thép Trang Khanh

Giá vốn hàng bán là giá thực tế xuất kho của sản phẩm hàng hóa mà công ty bán cho khách hàng như vật liệu xây dựng, thép... Trong điều kiện doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, giá vốn hàng bán là một chi phí được ghi nhận đồng thời với doanh thu theo nguyên tắc phù hợp. Trị giá vốn hàng bán được tính theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn:

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho sau lần nhập } i}$$

2.2.2.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ kế toán khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

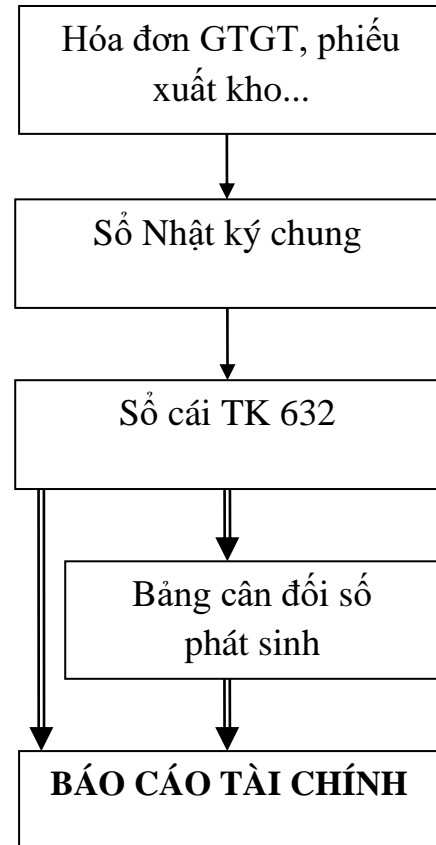
- TK 632 – Giá vốn hàng bán
- TK 156 – Hàng hóa

2.2.2.3 Quy trình hạch toán

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng: ⇨



Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán của Công ty Cổ phần thép Trang Khanh

- Hàng ngày, căn cứ vào Hóa đơn GTGT, phiếu xuất kho cùng với các chứng từ liên quan, kế toán ghi vào Sổ Nhật ký chung từ số liệu trên Sổ Nhật ký chung ghi vào Sổ cái các TK 156, 632...

- Cuối tháng, kế toán tiến hành cộng số liệu trên Sổ cái các TK 632, 156... lập bảng cân đối số phát sinh

- Cuối kỳ, kế toán căn cứ vào Bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

2.2.2.4 Ví dụ minh họa

Ví dụ 2.2: (minh họa tiếp ví dụ 2.1)

Tính đơn giá xuất thép Ø12 theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.

- Số dư đầu kỳ (1/12) = 10 tấn thép Ø12, đơn giá: 10.710.000/tấn.

Trị giá tồn đầu kỳ = 10 x 10.710.000 = 107.100.000

- Ngày 5/12 nhập kho 5 tấn thép Ø12, đơn giá 10.777.611/tấn

Trị giá nhập kho ngày 5/12 = 5 x 10.777.611 = 53.888.055

Đơn giá

$$\text{bình quân liên hoàn} = \frac{10 \times 10.710.000 + 5 \times 10.777.611}{10 + 5} = 10.732.537/\text{tấn}$$

ngày 30/12

- Ngày 30/12 xuất kho 1 tấn thép Ø12.

Trị giá xuất kho ngày 28/12 = 10.732.537 x 1 = 10.732.537

Để phản ánh giá vốn của nghiệp vụ này kế toán lập phiếu xuất kho số 981 (Biểu số 2.4)

Cuối tháng, căn cứ vào phiếu xuất kho số 981 (Biểu số 2.4) kế toán phản ánh vào Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.5) và sổ cái TK 632 (Biểu số 2.6).

Từ sổ cái các tài khoản cuối kỳ kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.4: Phiếu xuất kho số 989

Đơn vị: Công ty Cổ phần thép Trang Khanh
Địa chỉ: 197, lô 22, Lê Hồng Phong, NQ, HP

Mẫu số: 02-VT
Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ – BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 30 tháng 12 năm 2016

Số: 989

Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Đức Cảnh

Địa chỉ: Bộ phận bán hàng

Lý do xuất kho: Bán hàng

Xuất tại kho: Kho công ty

| STT | Tên, nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa | Mã số | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|--|-------|-------------|----------|------------|-------------------|
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3 |
| 1 | Thép Ø12 | | Tấn | 1 | 10.732.537 | 10.732.537 |
| | | | | | | |
| | Cộng: | | | | | 10.732.537 |

Tổng số tiền bằng chữ: Mười triệu bảy trăm ba mươi hai nghìn năm trăm ba mươi bảy đồng.

Ngày 30 tháng 12 năm 2016

Người lập phiếu
(ký, họ tên)

Người giao hàng(ký, họ tên)

Thủ kho(ký, họ tên)

Kế toán trưởng(ký, họ tên)

Biểu số 2.5: Trích Sổ Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty Cổ phần thép Trang Khanh
Địa chỉ: 197, lô 22, Lê Hồng Phong NQ, HP

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

| NT ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | SH TK ĐƯ | Số phát sinh | |
|--------------|------------------------------|---------------|---|----------------------------------|--------------------------|---------------------------------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | E | F | I |
| | | | Số phát sinh | | | |
| | | | | | | |
| 15/11 | PC641 | 15/11 | Chi tiền điện thoại BPQL-T10 | 6422 133 111 | 603.310 60.331 | 663.641 |
| | | | | | | |
| 30/11 | PXK960 HĐ0000719 PT511 | 30/11 | Bán thép Ø6 cho anh Tùng thu tiền mặt | 632 156 111 511 3331 | 1.350.000 2.475.000 | 1.350.000 2.250.000 225.000 |
| | | | | | | |
| 17/12 | PXK971 HĐ0000730 PT522 | 17/12 | Bán thép Ø8 cho anh Linh thu tiền mặt | 632 156 111 511 3331 | 2.040.000 3.388.000 | 2.040.000 3.080.000 308.000 |
| | | | | | | |
| 30/12 | PXK989 HĐ0000748 | 30/12 | Bán thép Ø12 cho Cty CP phát triển Hàng Hải chưa thu tiền | 632 156 131 511 3331 | 10.732.537 14.305.500 | 10.732.537 13.005.000 1.300.500 |
| | | | | | | |
| | | | Cộng phát sinh cả năm | | 30.011.907.935 | 30.011.907.935 |

Số ngày có.... trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ: 01/01/2016

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.6: Trích sổ cái TK 632

| Đơn vị: Công ty Cổ phần thép Trang Khanh Địa chỉ: 197, lô 22, Lê Hồng Phong NQ, HP | | | Mẫu số S03b-DN (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC) | | | |
|---|----------------|---------------------------------------|---|--|----------------------|----------------------|
| SỔ CÁI Năm 2016 Tên TK: Giá vốn hàng bán Số hiệu: TK 632 | | | | | | |
| Đơn vị tính: đồng | | | | | | |
| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | SH TK đối ứng | Số tiền | |
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | E | F | I |
| | | | -Số phát sinh trong quý IV | | | |
| | | | | | | |
| 25/10 | PXK 880 | 25/10 | Bán thép Ø6 cho chị Ninh thu tiền mặt | 156 | 1.350.000 | |
| | | | | | | |
| 30/11 | PXK 960 | 30/11 | Bán thép Ø6 cho anh Tùng thu tiền mặt | 156 | 1.350.000 | |
| | | | | | | |
| 17/12 | PXK 971 | 17/12 | Bán thép Ø8 cho anh Linh thu tiền mặt | 156 | 2.040.000 | |
| | | | | | | |
| 30/12 | PXK 989 | 30/12 | Bán thép Ø12 cho Cty CP phát triển Hàng Hải chưa thu tiền | 156 | 10.732.537 | |
| 31/12 | PKT42 | 31/12 | Kết chuyển giá vốn quý IV | 911 | | 1.370.245.422 |
| | | | Cộng phát sinh quý IV | | 1.370.245.422 | 1.370.245.422 |
| | | | Cộng phát sinh lũy kế cả năm | | 5.697.867.541 | 5.697.867.541 |
| Số ngày có.... trang, đánh số từ trang 01 đến trang... | | | | | | |
| Ngày mở sổ: 01/01/2016 | | | | | | |
| Người ghi sổ (Ký, họ tên) | | Kế toán trưởng (Ký, họ tên) | | Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu) | | |

2.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

2.2.3.1 Nội dung của chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty Cổ phần thép Trang Khanh

Chi phí quản lý kinh doanh phát sinh tại Công ty bao gồm các khoản: Tiền lương trả cho Giám đốc, lương cho nhân viên bộ phận bán hàng, các khoản trích theo lương, các khoản thuế, lệ phí, tiền bảo hiểm, chi phí dịch vụ mua ngoài như tiền điện thoại cho bộ phận bán hàng,...

2.2.3.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu Chi
- Hóa đơn GTGT
- Bảng phân bổ tiền lương
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
- Giấy báo nợ của Ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

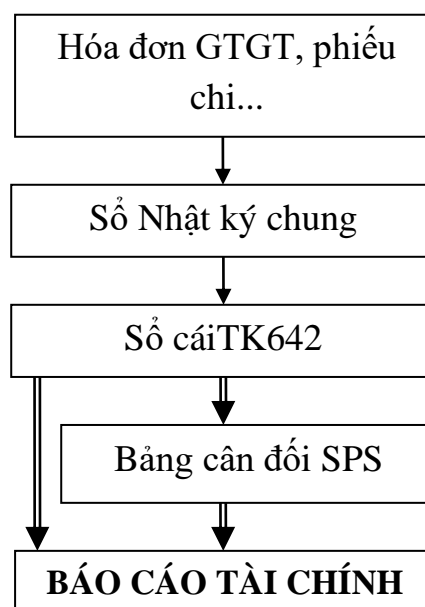
- TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

2.2.3.3 Quy trình hạch toán

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng: →



Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh của Công ty Cổ phần thép Trang Khanh

- Căn cứ vào Hóa đơn GTGT, bảng phân bổ khấu hao TSCĐ,... kế toán tiến hành viết phiếu chi, tùy vào nội dung của nghiệp vụ kinh tế phát sinh kế toán cũng có thể viết phiếu kế toán. Từ các dữ liệu trên kế toán vào Sổ Nhật ký chung sau đó căn cứ vào số liệu trên Sổ Nhật ký chung để kế toán vào Sổ cái TK 642
- Cuối quý, cộng số phát sinh trên Sổ cái và lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

2.2.3.4 Ví dụ minh họa

Ví dụ 2.3: Ngày 10/12/2016 thanh toán tiền điện thoại bộ phận bán hàng tháng 11, tổng số tiền thanh toán 1.725.279(thuế GTGT 10%).

Căn cứ vào hóa đơn dịch vụ viễn thông GTGT2977018 (Biểu số 2.7) phiếu chi (Biểu số 2.8) và các chứng từ khác có liên quan, kế toán phản ánh vào sổ sách theo định khoản.

Nợ TK 642: 1.568.435


Nợ TK 133: 156.844

Có TK 111: 1.725.279

Từ bút toán trên kế toán phản ánh vào Sổ nhật ký chung (Biểu số 2.10) sau đó phản ánh vào sổ cái TK 642 (Biểu số 2.11), TK 111, TK 333

Cuối kỳ, từ sổ cái TK được sử dụng lập Bảng cân đối số phát sinh rồi từ đó lập báo cáo tài chính.

Biểu số 2.7: Hóa đơn dịch vụ viễn thông GTGT

|  | | HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT) TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT) Liên 2: Giao cho người mua (Customer copy) | | | Mẫu số: 01GTKT2/001 VT01 Ký hiệu (Serial No): AA/12P Số (No): 2977018 16092612112012 | |
|---|--|--|------------------------|---|---|--|
| Mã số thuế: 0200287977-022 Viễn thông(Telecommunication): Hải Phòng – TT Dịch vụ Khách hàng Địa chỉ: Số 4 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng Tên khách hàng (Customer's name): Công ty Cổ phần thép Trang Khanh Địa chỉ (Address): 197, lô 22, Lê Hồng Phong, NQ, HP Số điện thoại (Tel): Mã số (code): Hình thức thanh toán (Kind of Pay ment): TM/CK MST: | | | | | | |
| STT (NO) | DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE) | ĐVT (UNIT) | SỐ LƯỢNG (QUANTITY) | ĐƠN GIÁ (PRICE) | THÀNH TIỀN (AMOUNT) VND | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | |
| | Kỳ cước tháng: a. Cước dịch vụ viễn thông b. Cước dịch vụ viễn thông không thuế c. Chiết khấu + Đa dịch vụ d. Khuyến mại e. Trừ đặt cọc + trích thưởng + nợ cũ | | | | 1.568.435 0 0 0 0 | |
| (a+b+c+d) Cộng tiền dịch vụ (Total) (1): | | | | | 1.568.435 | |
| Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%\times(1) = Tiền thuế GTGT (VAT amount) (2): | | | | | 156.844 | |
| (1+2+e) Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (1+2): | | | | | 1.725.279 | |
| Số tiền viết bằng chữ (In words): Một triệu bảy trăm hai mươi năm nghìn hai trăm bảy mươi chín đồng. | | | | | | |
| Người nộp tiền ký (Signature of payer) | | | | Ngày 10 tháng 12 năm 2016 Nhân viên giao dịch ký (Signature of dealing staff) | | |

Biểu số 2.8: Phiếu chi số 665

Đơn vị: Công ty Cổ phần thép Trang Khanh
 Địa chỉ: 197, lô 22, Lê Hồng Phong, NQ, HP

Mẫu số: 02 – TT
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006-QĐ-BTC
 ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 10 tháng 12 năm 2016

Số: 665

Nợ TK 642: 1.568.435

Nợ TK 133: 156.844

Có 111: 1.725.279

Họ, tên người nhận tiền: Nguyễn Ngọc Linh

Địa chỉ: Phòng KT-TC

Lý do chi: Nộp tiền điện thoại

Số tiền : 1.725.279 (Viết bằng chữ) : Một triệu bảy trăm hai mươi năm nghìn hai trăm bảy mươi chín đồng./.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 10 tháng 12 năm 2016

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Người lập
 (Ký, họ tên)

Người nhận
 (Ký, họ tên)

Thủ quỹ
 (Ký, họ tên)

Ví dụ 2.4: Tính lương phải trả cho công nhân viên vào bộ phận Quản lý doanh nghiệp tháng 12/2016:

Nợ TK 642: 67.167.000

Có TK 334: 67.167.000

▲ *Các khoản trích tính vào lương.*

| | |
|--------------------|------------------|
| <i>Nợ TK 334:</i> | <i>7.052.535</i> |
| <i>Có TK 3383:</i> | <i>5.373.360</i> |
| <i>Có TK 3384:</i> | <i>1.007.505</i> |
| <i>Có TK 3389:</i> | <i>671.670</i> |

▲ *Các khoản trích tính vào chi phí*

| | |
|--------------------|-------------------|
| <i>Nợ TK 642:</i> | <i>14.776.740</i> |
| <i>Có TK 3383:</i> | <i>12.090.060</i> |
| <i>Có TK3384:</i> | <i>2.015.010</i> |
| <i>Có TK3389:</i> | <i>671.670</i> |

Từ bút toán trên kế toán phản ánh vào Sổ nhật ký chung (Biểu số 2.10) sau đó phản ánh vào sổ cái TK 642 (Biểu số 2.11), TK 334, TK 338 Cuối kỳ, từ sổ cái TK được sử dụng lập Bảng cân đối số phát sinh rồi từ đó lập báo cáo tài chính.

Biểu số 2.9: Bảng lương tháng 12/2016

BẢNG LƯƠNG

THÁNG 12 NĂM 2016

| | | | | | | | | | | | <i>Đơn vị: VNĐ</i> |
|--|---------------------|----------|-------------------|-------------------|---------|---------------|-----------------|-----------------|----------------------|------------------------------------|--------------------|
| STT | Họ và tên | Chức vụ | Lương cố định | Lương bảo hiểm | Ngày lễ | Ngày làm việc | Phụ cấp chức vụ | Phụ cấp tiền ăn | Tổng lương thời gian | Thực lĩnh | Ký tên |
| 1 | Trương Quốc Trí | Giám đốc | 6,000,000 | 4,000,000 | 4 | 27 | 450,000 | 200,000 | 8,076,923 | 8,727,000 | |
| 2 | Nguyễn Thị Kim Liên | KT | 5,500,000 | 3,800,000 | 4 | 27 | 300,000 | 200,000 | 7,403,846 | 7,904,000 | |
| 3 | Đỗ Thị Minh Thu | CN | 5,500,000 | 3,500,000 | 4 | 27 | - | 200,000 | 7,403,846 | 7,604,000 | |
| 4 | Trương Quốc Dũng | CN | 5,500,000 | 3,500,000 | 4 | 27 | - | 200,000 | 7,403,846 | 7,604,000 | |
| 5 | Trương Thị Dung | CN | 5,500,000 | 3,600,000 | 4 | 27 | - | 200,000 | 7,403,846 | 7,604,000 | |
| 6 | Nguyễn Xuân Nghĩa | CN | 5,000,000 | 3,600,000 | 4 | 27 | - | 200,000 | 6,730,769 | 6,931,000 | |
| 7 | Mai Văn Báo | CN | 5,000,000 | 3,600,000 | 4 | 27 | - | 200,000 | 6,730,769 | 6,931,000 | |
| 8 | Phạm Nho Tăng | CN | 5,000,000 | 3,600,000 | 4 | 27 | - | 200,000 | 6,730,769 | 6,931,000 | |
| 9 | Lê Quang Nguyên | CN | 5,000,000 | 3,600,000 | 4 | 27 | - | 200,000 | 6,730,769 | 6,931,000 | |
| Tổng | | | 48,000,000 | 32,800,000 | | | 750,000 | | 64,615,385 | 67,167,000 | |
| | | | | | | | | | | <i>Ngày.....tháng.....năm.....</i> | |
| Người lập <i>(Ký tên và đóng dấu)</i> | | | | | | | | | | Thủ trưởng đơn vị | |
| | | 642 | 16,631,000 | | | | | | | | |
| | | 622 | 50,536,000 | | | | | | | | |

Biểu số 2.10: Trích Sổ Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty Cổ phần thép Trang Khanh
Địa chỉ: 197, Lô 22, Lê Hồng Phong, NQ, HP

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

| NT ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | SH TK ĐƯ | Số phát sinh | |
|--------------|------------------------------|---------------|--|----------------------------------|---------------------------------|---|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | E | F | I |
| | | | Số phát sinh | | | |
| | | | | | | |
| 30/11 | PXK960 HĐ0000719 PT511 | 30/11 | Bán thép Ø6 cho anh Tùng thu tiền mặt | 632 156 111 511 3331 | 1.350.000 2.475.000 | 1.350.000 2.250.000 225.000 |
| | | | | | | |
| 10/12 | PC665 | 10/12 | Chi tiền điện thoại BPBH T11 | 642 133 111 | 1.568.435 156.844 | 1.725.279 |
| | | | | | | |
| 17/12 | PXK971 HĐ0000730 PT522 | 17/12 | Bán thép Ø8 cho anh Linh thu tiền mặt | 632 156 111 511 3331 | 2.040.000 3.388.000 | 2.040.000 3.080.000 308.000 |
| | | | | | | |
| 30/12 | PXK989 HĐ0000748 | 30/12 | Bán thép Ø12 cho Cty CP phát triển Hàng Hải chưa thu tiền | 632 156 131 511 3331 | 10.732.537 14.305.500 | 10.732.537 13.005.000 1.300.500 |
| 31/12 | BLT12 | 31/12 | Tiền lương T12 của nhân viên | 642 334 | 67.167.000 | 67.167.000 |
| 31/12 | BPBLT12 | 31/12 | Các khoản trích theo lương T12 | 642 334 338 | 14.776.740 7.052.535 | 21.829.275 |
| | | | | | | |
| | | | Cộng phát sinh cả năm | | 30.011.907.935 | 30.011.907.935 |

Số ngày có.... trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ: 01/01/2016

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.11: Trích Sổ cái TK 642

Đơn vị: Công ty Cổ phần thép Trang Khanh
Địa chỉ: 197, lô 22, Lê Hồng Phong NQ, HP

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2016

Tên TK: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: TK 642

Đơn vị tính: đồng

| Ngày tháng ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | SHTK đối ứng | Số tiền | |
|-------------------|----------|------------|---|--------------|---------------------|---------------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | E | F | I |
| | | | -Số phát sinh trong quý IV | | | |
| | | | | | | |
| 7/12 | PC662 | 7/12 | Thanh toán tiền Internet T11 | 111 | 350.000 | |
| 10/12 | PC665 | 10/12 | Thanh toán tiền điện thoại BPBH T11 | 111 | 1.725.279 | |
| | | | | | | |
| 31/12 | BLT12 | 31/12 | Tiền lương T12 của nhân viên | 334 | 67.167.000 | |
| 31/12 | BPBL T12 | 31/12 | Trích BHXH, BHYT, BHTN | 338 | 21.829.275 | |
| 31/12 | PKT44 | 31/12 | Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh quý IV | | 245.675.995 | 245.675.995 |
| | | | Cộng phát sinh quý IV | | 245.675.995 | 245.675.995 |
| | | | Cộng phát sinh lũy kế cả năm | | 925.367.1792 | 925.367.1792 |

Số ngày có.... trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ: 01/01/2016

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

2.2.4 Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính tại Công ty Cổ phần thép Trang Khanh

2.2.4.1 Nội dung của doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty Cổ phần thép Trang Khanh

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty chủ yếu phát sinh do lãi nhận được từ các khoản tiền gửi Ngân hàng, chi phí tài chính phát sinh do phải trả tiền lãi cho các khoản nợ vay.

2.2.4.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Giấy báo có, giấy báo nợ của ngân hàng
- Phiếu thu, phiếu chi
- Bản sao kê chi tiết tài khoản của ngân hàng gửi cho công ty
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

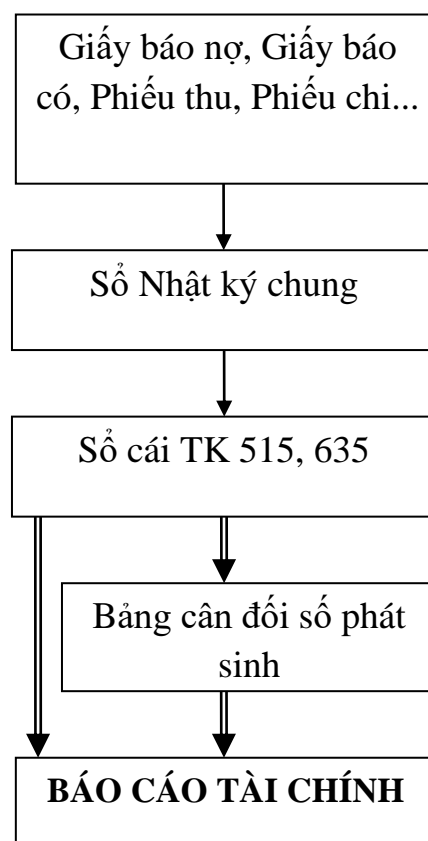
- TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 635 – Chi phí tài chính

2.2.4.3 Quy trình hạch toán

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối kỳ: →



Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán doanh thu và chi phí tài chính của Công ty Cổ phần thép Trang Khanh

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ như Giấy báo nợ, Giấy báo có của ngân hàng, Phiếu chi, phiếu thu, Bảng kê tính lãi vay, chi phí lãi vay... kế toán tiến hành ghi vào Sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu trên sổ Nhật ký chung kế toán vào Sổ cái TK 515, TK 635.

- Cuối quý, cộng số phát sinh trên Sổ cái và lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

2.2.4.4 Ví dụ minh họa

Ví dụ 2.5: Ngày 31/12/2016 phát sinh nghiệp vụ trả lãi vay cho ông Nguyễn Thành Công số tiền 1.685.000VNĐ

Căn cứ vào phiếu chi (Biểu số 2.12) và các chứng từ kế toán khác có liên quan kế toán định khoản nghiệp vụ.

Nợ TK 635: 1.685.000

Có TK 111: 1.685.000

Từ bút toán trên kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.14) sau đó phản ánh vào Sổ cái TK 635 (Biểu số 2.15). Cuối kỳ lập Bảng cân đối số phát sinh, từ đó lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ 2.6: Ngày 31/12 Ngân hàng Cổ phần Á Châu ACB – PGD TD Lạch Tray thông báo lãi nhập vốn là 124.381VNĐ

Căn cứ vào giấy báo có (Biểu số 2.13) và các chứng từ kế toán có liên quan khác kế toán định khoản nghiệp vụ:

Nợ TK 112: 124.381

Có TK 515: 124.381

Từ bút toán trên kế toán ghi sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.14) sau đó phản ánh vào Sổ cái TK 515 (Biểu số 2.16) và kế toán căn cứ vào Giấy báo có ghi vào sổ theo dõi tiền gửi Ngân hàng tại Ngân hàng Cổ phần Á Châu ACB.

Cuối kỳ, từ Sổ cái kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.12: Phiếu chi số 694

Đơn vị: Công ty Cổ phần thép Trang Khanh
Địa chỉ: 197, lô 22, Lê Hồng Phong NQ, HP

Mẫu số: 02 – TT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006-QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số: 694
Nợ TK 635: 1.685.000
Có TK 111: 1.685.000

Họ, tên người nhận tiền: Nguyễn Thành Công

Địa chỉ: Số 27 Văn Cao, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng

Lý do chi: Thanh toán tiền lãi vay tháng 12

Số tiền : 1.685.000

Số tiền viết bằng chữ : Một triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng chẵn./.

Kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

Người nhận
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.13: Giấy báo Có**NGÂN HÀNG Á CHÂU****Chi nhánh: ACB-PGD LẠCH TRAY****GIẤY BÁO CÓ**

Ngày: 31/12/2016

Mã GDV: NGUYỄN THỊ HUYỀN

Mã KH: 4466231

Số GD:

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TRANG KHANH

Mã số thuế:

Hôm nay, chúng tôi xin thông báo đã ghi CÓ tài khoản của quý khách hàng với nội dung sau:

Số tài khoản ghi CÓ: 196535187

Số tiền bằng số: 124.381

Số tiền bằng chữ: Một trăm linh ba nghìn bảy trăm tám mươi một đồng.

Nội dung: Lãi nhập vốn tháng 12

Giao dịch viên*(Ký, họ tên)***Kiểm soát***(Ký, họ tên)*

Biểu số 2.14: Trích Sổ Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty Cổ phần thép Trang Khanh
Địa chỉ: 197, lô 22, Lê Hồng Phong NQ, HP

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

| NT ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | SH TK ĐƯ | Số phát sinh | |
|--------------|-----------------------------|---------------|--|----------------------------------|--------------------------|---------------------------------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | E | F | I |
| | | | Số phát sinh | | | |
| | | | | | | |
| 10/12 | PC665 | 10/12 | Thanh toán tiền điện thoại T11 | 6422 133 111 | 1.568.435 156.844 | 1.725.279 |
| | | | | | | |
| 17/12 | PXK971 HĐ000730 PT522 | 17/12 | Bán thép Ø8 cho anh Linh thu tiền mặt | 632 156 111 511 3331 | 2.040.000 3.388.000 | 2.040.000 3.080.000 308.000 |
| | | | | | | |
| 30/12 | PXK989 HĐ0000748 | 30/12 | Bán thép Ø12 cho Cty CP phát triển Hàng Hải thu tiền | 632 156 131 511 3331 | 10.732.537 14.305.500 | 10.732.537 13.005.000 1.300.500 |
| 31/12 | PC694 | 31/12 | Chi trả lãi vay tháng 12 cho ông Công | 635 111 | 1.685.000 | 1.685.000 |
| 31/12 | GBC 31/12 | 31/12 | Lãi nhập vốn tháng 12 | 112 515 | 124.381 | 124.381 |
| | | | | | | |
| | | | Cộng phát sinh cả năm | | 30.011.907.935 | 30.011.907.935 |

Số ngày có.... trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ: 01/01/2016

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.15: Trích Sổ cái TK 635

Đơn vị: Công ty Cổ phần thép Trang Khanh
Địa chỉ: 197, lô 22, Lê Hồng Phong NQ, HP

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
Năm 2016
Tên TK: Chi phí tài chính
Số hiệu: TK 635

Đơn vị tính: đồng

| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | SHTK đối ứng | Số tiền | |
|-------------------|--------------|--------------|--|--------------|-------------------|-------------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | E | F | I |
| | | | -Số phát sinh trong quý IV | | | |
| | | | | | | |
| 31/10 | PC541 | 31/10 | Chi trả lãi vay tháng 10 cho ông Nguyễn | 111 | 1.823.565 | |
| | | | | | | |
| 30/11 | PC622 | 30/11 | Chi trả lãi vay cho bà Thủy | 111 | 956.068 | |
| | | | | | | |
| 31/12 | PC694 | 31/12 | Chi trả lãi vay tháng 12 cho ông Công | 111 | 1.685.000 | |
| 31/12 | PKT43 | 31/12 | Kết chuyển chi phí tài chính quý IV | 911 | | 7.465.139 |
| | | | Cộng phát sinh quý IV | | 7.465.139 | 7.465.139 |
| | | | Cộng phát sinh lũy kể cả năm | | 29.695.128 | 29.695.128 |

Số ngày có.... trang, đánh số từ trang 01 đến trang...
Ngày mở sổ: 01/01/2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.16: Trích Sổ cái TK 515

| Đơn vị: Công ty Cổ phần thép Trang Khanh Địa chỉ: 197, lô 22, Lê Hồng Phong NQ, HP | | | Mẫu số S03b-DN (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC) | | | |
|---|--------------|---------------------------------------|---|--|------------------|------------------|
| SỔ CÁI Năm 2016 Tên TK: Doanh thu hoạt động tài chính Số hiệu: TK 515 | | | | | | |
| Đơn vị tính: đồng | | | | | | |
| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | SHTK đối ứng | Số tiền | |
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | E | F | I |
| | | | -Số phát sinh trong quý IV | | | |
| 31/10 | GBC 31/10 | 31/10 | Lãi nhập vốn tháng 10 | 112 | | 95.815 |
| 30/11 | GBC 31/11 | 30/11 | Lãi nhập vốn tháng 11 | 112 | | 108.939 |
| 31/12 | GBC 31/12 | 31/12 | Lãi nhập vốn tháng 12 | 112 | | 124.381 |
| 31/12 | PKT40 | 31/12 | Kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính quý IV | 911 | 329.135 | |
| | | | Cộng phát sinh quý IV | | 329.135 | 329.135 |
| | | | Cộng phát sinh lũy kế cả năm | | 1.316.540 | 1.316.540 |
| Số ngày có.... trang, đánh số từ trang 01 đến trang... | | | | | | |
| Ngày mở sổ: 01/01/2016 | | | | | | |
| Người ghi sổ (Ký, họ tên) | | Kế toán trưởng (Ký, họ tên) | | Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu) | | |

2.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

Trong năm 2016 Công ty Cổ phần thép Trang Khanh không phát sinh các khoản thu nhập khác và chi phí khác.

2.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thép Trang Khanh

2.2.6.1 Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ Chứng từ kế toán sử dụng

- Phiếu kế toán

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh
- Các TK khác có liên quan.

2.2.6.2 Quy trình hạch toán

Cuối kỳ, tập hợp số liệu từ Sổ cái của các tài khoản và sổ sách có liên quan, kế toán hạch toán các bút toán kết chuyển thông qua việc lập Phiếu kế toán và xác định kết quả kinh doanh.

Sau đó căn cứ vào các phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, chi phí thuế TNDN kế toán vào Sổ Nhật ký chung rồi vào Sổ cái TK 911, 421...

Kế toán tổng hợp số liệu kết quả kinh doanh để lập Bảng cân đối số phát sinh và từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

2.2.6.3 Ví dụ minh họa

Ví dụ 2.7: Xác định kết quả kinh doanh quý IV

- | | |
|--|-----------------|
| - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | :1.618.356.677 |
| - Doanh thu tài chính | : 329.135 |
| - Giá vốn hàng bán | : 1.370.245.422 |
| - Chi phí quản lý kinh doanh | : 245.675.995 |
| - Chi phí tài chính | : 7.465.139 |
| - Kết quả kinh doanh = (1.618.356.677+329.135) – 1.370.245.422 – (245.675.995+7.465.139) = (4.770.744) | |
| => Trong quý IV doanh nghiệp kinh doanh lỗ: 4.770.744 | |

Sau khi kết chuyển các khoản doanh thu, chi phí kế toán xác định doanh nghiệp kinh doanh quý IV lỗ. Kế toán tiến hành lập các Phiếu kế toán số 040, 041, 042, 043, 044, 045 (Biểu số 2.17, 2.18, 2.19, 2.20, 2.21, 2.22).

Từ Phiếu kế toán ghi Sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.23), sau đó từ Sổ Nhật ký chung phản ánh vào Sổ cái TK 911 (Biểu số 2.24), Sổ cái TK 421 (Biểu số 2.25).

Cuối kỳ, từ các Sổ cái và các sổ có liên quan lập Bảng cân đối số phát sinh, sau đó từ Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Biểu số 2.26) và Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.17: Phiếu kế toán

| Đơn vị: Công ty Cổ phần thép Trang Khanh | | | | |
|---|--|-----------|-----|------------|
| Địa chỉ: 197, lô 22, Lê Hồng Phong NQ, HP | | | | |
| PHIẾU KẾ TOÁN | | | | |
| Số: 040 | | | | |
| Ngày 31 tháng 12 năm 2016 | | | | |
| STT | Diễn giải | Tài khoản | | Thành tiền |
| | | Nợ | Có | |
| 1 | K/c doanh thu hoạt động tài chính quý IV | 515 | 911 | 329.135 |
| | | | | |
| | Cộng | | | 329.135 |

Số tiền viết bằng chữ: Ba trăm hai mươi chín nghìn, một trăm ba lăm đồng./.

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

| | |
|---------------------------------------|---------------------------------------|
| Người lập biểu (Ký, họ tên) | Kế toán trưởng (Ký, họ tên) |
|---------------------------------------|---------------------------------------|

Biểu số 2.18: Phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty Cổ phần thép Trang Khanh
Địa chỉ: 197, lô 22, Lê Hồng Phong NQ, HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 041

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

| STT | Diễn giải | Tài khoản | | Thành tiền |
|-----|-------------------------------|-----------|-----|---------------|
| | | Nợ | Có | |
| 1 | K/c doanh thu bán hàng quý IV | 511 | 911 | 1.618.356.677 |
| | | | | |
| | Cộng | | | 1.618.356.677 |

Số tiền viết bằng chữ: Một tỷ sáu trăm mười tám triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn sáu trăm bảy mươi bảy đồng./.

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.19: Phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty Cổ phần thép Trang Khanh
Địa chỉ: 197, lô 22, Lê Hồng Phong NQ, HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 042

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

| STT | Diễn giải | Tài khoản | | Thành tiền |
|-----|--------------------|-----------|-----|---------------|
| | | Nợ | Có | |
| 1 | K/c giá vốn quý IV | 911 | 632 | 1.370.245.422 |
| | | | | |
| | Cộng | | | 1.370.245.422 |

Số tiền viết bằng chữ: Một tỷ ba trăm bảy mươi triệu hai trăm bốn mươi lăm nghìn bốn trăm hai mươi hai đồng./.

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.20: Phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty Cổ phần thép Trang Khanh
Địa chỉ: 197, lô 22, Lê Hồng Phong NQ, HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 043

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

| STT | Diễn giải | Tài khoản | | Thành tiền |
|-----|------------------------------|-----------|-----|------------|
| | | Nợ | Có | |
| 1 | K/c chi phí tài chính quý IV | 911 | 635 | 7.465.139 |
| | | | | |
| | Cộng | | | 7.465.139 |

Số tiền viết bằng chữ: Bảy triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn, một trăm ba mươi chín đồng.

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.21: Phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty Cổ phần thép Trang Khanh
Địa chỉ: 197, lô 22, Lê Hồng Phong NQ, HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 044

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

| STT | Diễn giải | Tài khoản | | Thành tiền |
|-----|---------------------------------------|-----------|-----|-------------|
| | | Nợ | Có | |
| 1 | K/c chi phí quản lý kinh doanh quý IV | 911 | 642 | 245.675.995 |
| | | | | |
| | Cộng | | | 245.675.995 |

Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm bốn mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn chín trăm chín mươi lăm đồng.

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.22: Phiếu kế toán

Đơn vị: Công ty Cổ phần thép Trang Khanh

Địa chỉ: 197, lô 22, Lê Hồng Phong NQ, HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 045

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

| STT | Diễn giải | Tài khoản | | Thành tiền |
|-----|---------------|-----------|-----|------------|
| | | Nợ | Có | |
| 1 | K/c lỗ quý IV | 421 | 911 | 4.700.744 |
| | | | | |
| | | | | |
| | Cộng | | | 4.700.744 |

Số tiền viết bằng chữ: Bốn triệu bảy trăm nghìn bảy trăm bốn mươi bốn đồng.

Người lập biểu
(Ký, họ tên)Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 2.23: Trích Sổ Nhật ký chung

Đơn vị: Công ty Cổ phần thép Trang Khanh
Địa chỉ: 197, lô 22, Lê Hồng Phong NQ, HP

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

| NT ghi số | Chứng từ | | Diễn giải | SH TK ĐƯ | Số phát sinh | |
|--------------|------------|---------------|--|----------------|-----------------------|-----------------------|
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | E | F | I |
| | | | Số phát sinh Quý 4 | | | |
| | | | | | | |
| 31/12 | PKT40 | 31/12 | Kết chuyển DT HĐTC Quý 4 | 515 911 | 329.135 | 329.135 |
| 31/12 | PKT41 | 31/12 | Kết chuyển doanh thu thuần Quý 4 | 511 911 | 1.618.356.677 | 1.618.356.677 |
| 31/12 | PKT42 | 31/12 | Kết chuyển giá vốn Quý 4 | 911 632 | 1.370.245.422 | 1.370.245.422 |
| 31/12 | PKT43 | 31/12 | Kết chuyển chi phí tài chính Quý 4 | 911 635 | 7.465.139 | 7.465.139 |
| 31/12 | PKT44 | 31/12 | Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh Quý 4 | 911 642 | 245.675.995 | 245.675.995 |
| 31/12 | PKT45 | 31/12 | Kết chuyển lỗ Quý 4 | 421 911 | 4.700.744 | 4.700.744 |
| | | | | | | |
| | | | Cộng phát sinh cả năm | | 30.011.907.935 | 30.011.907.935 |

Số ngày có.... trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ: 01/01/2016

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.24: Trích Sổ cái TK 911

| Đơn vị: Công ty Cổ phần thép Trang Khanh Địa chỉ: 197, lô 22, Lê Hồng Phong NQ, HP | | | Mẫu số S03b-DN (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC) | | | |
|---|----------|---------------------------------------|---|---|----------------------|----------------------|
| SỔ CÁI Năm 2016 Tên TK: Xác định kết quả kinh doanh Số hiệu: TK 911 | | | | | | |
| Đơn vị tính: đồng | | | | | | |
| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | SHTK đối ứng | Số tiền | |
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | E | F | I |
| | | | Dư đầu Quý IV | | | |
| | | | -Số phát sinh trong quý IV | | | |
| | | | | | | |
| 31/12 | PKT40 | 31/12 | Kết chuyển DT HĐTC Quý 4 | 515 | | 329.135 |
| 31/12 | PKT41 | 31/12 | Kết chuyển doanh thu thuần Quý 4 | 511 | | 1.618.356.677 |
| 31/12 | PKT42 | 31/12 | Kết chuyển giá vốn Quý 4 | 632 | 1.370.245.422 | |
| 31/12 | PKT43 | 31/12 | Kết chuyển chi phí tài chính Quý 4 | 635 | 7.465.139 | |
| 31/12 | PKT44 | 31/12 | Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh Quý 4 | 642 | 245.675.995 | |
| 31/12 | PKT45 | 31/12 | Kết chuyển lỗ Quý 4 | 421 | | 4.700.744 |
| | | | Cộng phát sinh quý IV | | 1.623.386.556 | 1.623.386.556 |
| | | | Cộng phát sinh lũy kế cả năm | | 5.893.546.258 | 5.893.546.258 |
| Số ngày có.... trang, đánh số từ trang 01 đến trang... | | | | | | |
| Ngày mở sổ: 01/01/2016 | | | | | | |
| Người ghi sổ (Ký, họ tên) | | Kế toán trưởng (Ký, họ tên) | | Ngày 31 tháng 12 năm 2016 | | |
| | | | | Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu) | | |

Biểu 2.25: Trích Sổ cái TK 421

| Đơn vị: Công ty Cổ phần thép Trang Khanh Địa chỉ: 197, lô 22, Lê Hồng Phong NQ, HP | | | Mẫu số S03b-DN (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC) | | | |
|---|--------------|---------------------------------------|---|--|-------------------|-------------------|
| SỔ CÁI Năm 2016 Tên TK: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối Số hiệu: TK 421 | | | | | | |
| Đơn vị tính: đồng | | | | | | |
| Ngày tháng ghi sổ | Chứng từ | | Diễn giải | SHTK đối ứng | Số tiền | |
| | Số hiệu | Ngày tháng | | | Nợ | Có |
| A | B | C | D | E | F | I |
| | | | Số dư đầu Quý IV | | | 15.847.536 |
| | | | -Số phát sinh trong quý IV | | | |
| 31/12 | PKT45 | 31/12 | Kết chuyển lỗ | 911 | 4.700.744 | |
| | | | Cộng phát sinh quý IV | | 4.700.744 | |
| | | | Cộng phát sinh lũy kế cả năm | | 11.146.792 | |
| Số ngày có... trang, đánh số từ trang 01 đến trang... Ngày mở sổ: 01/01/2016 | | | | | | |
| Người ghi sổ (Ký, họ tên) | | Kế toán trưởng (Ký, họ tên) | | Ngày 31 tháng 12 năm 2016 Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu) | | |

Biểu số 2.26: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: Công ty Cổ phần thép Trang Khanh
Địa chỉ: 197, lô 22, Lê Hồng Phong NQ, HP

Mẫu số B02-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
QUÝ IV**

Đơn vị tính: VNĐ

| Chỉ tiêu | Mã | Quý này | Quý trước |
|--|----|---------------|---------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 1.618.356.677 | 2.635.869.340 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | 1.618.356.677 | 2.635.869.340 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 1.370.245.422 | 2.240.488.939 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | 248.111.255 | 395.380.401 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 329.135 | 580.391 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | 7.465.139 | 12.970.171 |
| 9. Chi phí quản lý kinh doanh | 24 | 245.675.995 | 367.143.085 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | (4.700.744) | 15.847.536 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | - | - |
| 12. Chi phí khác | 32 | - | - |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | - | - |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | (4.700.744) | 15.847.536 |
| 16. Chi phí thuế TNDN | 51 | - | 3.169.507 |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | (4.700.744) | 12.678.029 |

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG III: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TRANG KHANH

3.1 NGUYÊN TẮC CỦA VIỆC HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN

Năm 2020, Việt Nam hoàn toàn hội nhập với quốc tế trong lĩnh vực kế toán. Giai đoạn 2010 - 2020 là giai đoạn củng cố hội nhập, tiếp tục hoàn thiện hơn nữa hệ thống kế toán. Hệ thống kế toán của doanh nghiệp cũng không nằm ngoài xu hướng đó. Vì vậy, ngày càng hoàn thiện hệ thống kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có vai trò quan trọng giúp doanh nghiệp tồn tại và phát triển bền vững.

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo những nguyên tắc:

Hoàn thiện phải tuân thủ hệ thống kế toán áp dụng, chế độ, chuẩn mực kế toán do Nhà nước ban hành nhưng không cứng nhắc mà phải linh hoạt để phù hợp với điều kiện, đặc điểm sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính cũng như yêu cầu quản lý của doanh nghiệp

Các thông tin, số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải được phản ánh kịp thời, khách quan, đầy đủ, đúng thực tế và đúng kỳ kế toán mà nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh.

Hoàn thiện trên cơ sở hợp lý, hợp lệ, tiết kiệm chi phí, thời gian nhưng vẫn phải đảm bảo hiệu quả công việc.

3.2 ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TRANG KHANH

Là một doanh nghiệp mới thành lập không lâu nhưng được đầu tư cơ sở kỹ thuật công ty có những biến chuyển tích cực trong hoạt động kinh doanh. Trong nền kinh tế thị trường đang diễn ra gay gắt giữa các thành phần kinh tế, các lĩnh vực kinh tế khác nhau, nhiều công ty không đứng vững dẫn đến phá sản hoặc giải thể. Do nhận thức kịp thời sự chuyển biến của nền kinh tế và phân tích đúng đắn nhu cầu thị trường, công ty đã có những phương hướng, giải pháp kinh

tế hiệu quả khắc phục được những khó khăn và phát huy những thế mạnh mà công ty đang có để bắt kịp được sự phát triển của nền kinh tế.

Hàng năm, công ty thường xuyên tuyển mới, đào tạo kỹ năng nghề nghiệp cho cán bộ công nhân viên, đồng thời cũng có những chế độ khen thưởng phù hợp, chính xác, khuyến khích tinh thần làm việc của công nhân viên. Ngoài ra, hàng năm công ty còn tổ chức các chuyến thăm quan cho các cán bộ, nhân viên công ty, giúp cho nhân viên công ty được thư giãn, hòa đồng, thêm thân thiết và càng thêm gắn bó với công ty.

Trong xu thế phát triển của mình, Công ty luôn tạo được niềm tin cho người tiêu dùng, luôn cố gắng mở rộng phạm vi hoạt động kinh doanh, vì thế Công ty luôn đặt mình trong môi trường cạnh tranh với các doanh nghiệp cùng ngành và đưa ra mục tiêu cung cấp sản phẩm chất lượng tốt nhất đem lại lợi ích cho người tiêu dùng.

Công tác kế toán của công ty nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đã phần nào đáp ứng được yêu cầu quản lý cũng như giúp chủ doanh nghiệp kiểm soát tình hình thực tế đồng thời đưa ra được những quyết định quản lý, chiến lược kinh doanh phù hợp và hiệu quả.

3.2.1 Ưu điểm

Là một doanh nghiệp luôn đảm bảo đầy đủ công ăn việc làm cho người lao động, thu nhập cán bộ công nhân viên ổn định, đồng thời thực hiện nghĩa vụ nộp Ngân sách nhà nước đầy đủ. Điều đó khẳng định vai trò và vị thế của công ty.

- Về công tác quản lý:

+ Đội ngũ cán bộ, công nhân của công ty chăm chỉ, năng động, siêng năng học hỏi, có trình độ đặc biệt là bộ máy lãnh đạo, luôn quan tâm đến các cá nhân trong công ty.

+ Bộ máy quản lý gọn nhẹ giúp công ty dễ dàng hoạt động, quản lý.

- Về công tác kế toán

+ Bộ máy kế toán công ty gọn nhẹ, phân công công việc rõ ràng, mỗi người phụ trách một mảng riêng đảm bảo công việc nhưng vẫn phối hợp rất ăn ý và chặt chẽ.

+ Các kế toán thường xuyên kiểm tra đối chiếu sổ sách, số liệu để kịp thời theo dõi các hoạt động của công ty.

- Về hệ thống chứng từ, sổ sách

+ Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung, đây là hình thức kế toán phổ biến và đơn giản trong việc quản lý nhưng lại phù hợp với mô hình của công ty.

+ Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên giúp kế toán dễ dàng quản lý tình hình Nhập- Xuất- Tồn hàng hóa.

- Về tổ chức kế toán, doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh được cập nhật đều đặn, cẩn thận hàng ngày.

+ Các nghiệp vụ liên quan đến chi phí phát sinh được ghi chép tỷ mỉ, cẩn thận, đầy đủ để tránh các trường hợp lãng phí chi phí ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh của công ty.

3.2.2 Nhược điểm

❖ Về sổ sách sử dụng:

Việc tập hợp hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tương đối hoàn chỉnh nhưng Công ty vẫn còn rất hạn chế trong việc mở Sổ chi tiết cho các tài khoản, Bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản. Điều này đã gây trở ngại cho việc theo dõi tại Công ty. Cụ thể là đối với Sổ chi tiết:

- Sổ chi tiết bán hàng: Việc mở sổ chi tiết bán hàng sẽ giúp cho kế toán theo dõi chi tiết doanh thu của từng loại hàng hóa và tính toán được lãi gộp của từng mặt hàng hóa. Công ty không mở sổ chi tiết bán hàng vì vậy kế toán chỉ có thông tin về tổng doanh thu mà không có thông tin về lãi gộp.

- Sổ chi tiết giá vốn hàng bán: Việc mở sổ này nhằm giúp cho kế toán theo dõi giá vốn từng mặt hàng bán ra vì công ty có rất nhiều mặt hàng khác nhau. Khi công ty không mở sổ chi tiết giá vốn hàng bán kế toán sẽ khó có thể theo dõi được giá vốn của từng mặt hàng để từ đó đưa ra được những quyết định cho việc kinh doanh.

- Công ty chưa mở sổ chi tiết chi phí quản lý kinh doanh do đó không có thông tin về các yếu tố chi phí trong khoản mục chi phí này.

❖ Về chính sách bán hàng:

Theo Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của ba năm gần đây, doanh nghiệp chưa có hình thức khuyến khích khách hàng mua nhiều với số lượng lớn như chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán.

❖ Về phần mềm kế toán:

Công ty không sử dụng phần mềm kế toán máy. Hầu hết các doanh nghiệp bây giờ đều dùng phần mềm kế toán máy trong công tác kế toán để có thể quản lý dễ dàng, nhanh gọn và chính xác hơn. Việc ghi chép kế toán ở công ty còn thủ công, khối lượng công việc ghi chép còn phức tạp, sử dụng nhiều sổ sách, chứng từ nhiều khi bị dồn nén mấy ngày mới ghi một lần.

❖ Về thời điểm ghi chép sổ sách kế toán:

Hiện nay, đa số các nghiệp vụ kinh tế về doanh thu, chi phí phát sinh được ghi vào cuối quý, cùng vào thời điểm lập Báo cáo tài chính nên công việc kế toán tại phòng kế toán bị dồn vào cuối năm rất nhiều, điều này có thể ảnh hưởng đến hiệu quả làm việc và dễ gây ra nhầm lẫn sai sót, ảnh hưởng đến tiến độ công việc.

3.3 MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP TRANG KHANH

3.3.1 Tính tất yếu của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Để nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường, các nhà quản trị công ty cần sử dụng các thông tin do kế toán cung cấp. Thông tin kế toán là nguồn tài nguyên quan trọng nhất, đó là dữ liệu có ích được tổ chức theo một cách để từ đó có thể đưa ra được những đúng đắn. Nó làm cơ sở cho các quá trình ra quyết định phân phối, điều hòa nguồn nhân lực, trợ giúp công ty trong mục đích kinh doanh.

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là những phần hành kế toán có ý nghĩa và vai trò quan trọng trong công tác kế toán tại mỗi công ty.

Vì vậy việc nâng cao công tác quản lý, cung cấp thông tin kịp thời, việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung cũng như hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần thép Trang Khanh là rất quan trọng.

3.3.2 Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thép Trang Khanh

Dựa trên những nhược điểm đã nêu ở trên và những kiến thức đã được học em xin đưa ra một số ý kiến như sau:

❖ Ý kiến 1: Hoàn thiện hệ thống sổ chi tiết tại công ty

Tại công ty Cổ phần thép Trang Khanh kế toán chỉ mở Sổ cái TK 511 để theo dõi doanh thu của tất cả các mặt hàng mà không mở riêng cho từng loại. Khi hạch toán doanh thu bán hàng kế toán cần hạch toán chi tiết doanh thu bán của từng loại mặt hàng bán ra nhằm giúp công ty nắm được chi tiết từng loại hàng hóa tiêu thụ như thế nào trong kỳ, lãi gộp của từng mặt hàng. Từ đó các cấp lãnh đạo có thể đưa ra được chiến lược tiêu thụ hàng hóa như: marketing, tìm kiếm thị trường, nâng cao chất lượng sản phẩm. Vì vậy, công ty nên mở Sổ chi tiết bán hàng theo mẫu quy định của Bộ tài chính.

Khi hạch toán Giá vốn hàng bán kế toán nên hạch toán chi tiết từng loại hàng hóa bán ra vì đây là mục tiêu so sánh giữa giá vốn hàng hóa bán ra so với giá bán của từng loại hàng hóa. Chỉ có hạch toán chi tiết giá vốn của từng hàng hóa bán ra thì Công ty mới kiểm tra được kết quả từ khâu nhập hàng hóa đến khâu tiêu thụ hàng hóa như thế nào để từ đó vạch ra các kế hoạch tiết kiệm chi phí mà vẫn đạt được hiệu quả, chất lượng hàng hóa tốt tạo ra sức cạnh tranh trên thị trường. Vì vậy, Công ty nên lập Sổ chi phí sản xuất kinh doanh.

Đối với chi phí Quản lý kinh doanh, doanh nghiệp chưa chi tiết theo yếu tố chi phí. Hạch toán chi tiết ra Công ty mới kiểm soát được chi tiêu để từ đó đưa ra được những biện pháp thích hợp nhằm mục đích cắt giảm chi phí nâng cao lợi nhuận. Vì vậy công ty nên lập Sổ chi phí sản xuất kinh doanh .

Biểu số 3.1: Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị: Công ty Cổ phần thép Trang Khanh
Địa chỉ: 197, lô 22, Lê Hồng Phong NQ, HP

Mẫu số S17 - DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm: Thép Ø12

Năm: 2016

| NT GS | Chứng từ | | Diễn giải | TK ĐƯ | Doanh thu | | | | Các khoản giảm trừ | |
|-------|---------------|-------|---|-------|-----------|------------|------------|------------|--------------------|------------|
| | SH | NT | | | SL | Đơn giá | Thành tiền | | Thuế | Khác (521) |
| | | | | | | | Nợ | Có | | |
| A | B | C | D | E | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| | | | ... | | | | ... | | | |
| 30/12 | HĐ 0000748 | 30/12 | Bán thép Ø12 cho Cty CP phát triển Hàng Hải chưa thu tiền | 131 | 1 | 14.305.500 | | 14.305.500 | | |
| | | | | | | | | | | |
| | | | Cộng SPS | | | | | | | |

- Sổ này cótrang, đánh từ trang 01 đến...

- Ngày mở sổ

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 3.2: Sổ chi tiết giá vốn hàng bán

Đơn vị: Công ty Cổ phần thép Trang Khanh
Địa chỉ: 197, lô 22, Lê Hồng Phong NQ, HP

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Tên sản phẩm: Thép Ø12

Năm: 2016

| NT GS | Chứng từ | | Diễn giải | TK ĐƯ | Đơn giá | Giá vốn | |
|-------|----------|-------|---|-------|------------|----------|------------|
| | SH | NT | | | | Số lượng | Thành tiền |
| A | B | C | D | E | 1 | 2 | 3 |
| | | | ... | | ... | | |
| 30/12 | PXK989 | 30/12 | Bán thép Ø12 cho Cty CP phát triển Hàng Hải chưa thu tiền | 156 | 10.732.537 | 1 | 10.732.537 |
| | | | | | | | |
| | | | Cộng SPS | | | | |

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

❖ Ý kiến 2: Phân bổ chi phí quản lý kinh doanh theo từng mặt hàng
Công ty hiện đang phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp vào “Tài khoản tổng hợp 642 – Chi phí quản lý kinh doanh”.

Để kiểm soát chi phí được chặt chẽ, chính xác, hiệu quả hơn, công ty nên phân bổ chi phí quản lý kinh doanh theo từng mặt hàng, từ đó biết được mặt hàng nào có lãi để đưa ra các quyết định kinh doanh đúng đắn.

Công thức phân bổ chi phí kinh doanh:

$$\text{Chi phí quản lý kinh doanh của từng loại sản phẩm} = \frac{\text{Tổng chi phí quản lý kinh doanh}}{\text{Tổng doanh thu các loại sản phẩm}} \times \text{Doanh thu của từng loại sản phẩm}$$

Biểu số 3.3: Bảng xác định kết quả kinh doanh từng sản phẩm

| STT | Sản phẩm | Doanh thu | Giá vốn | Chi phí QLKD | KQKD |
|-----|-------------|----------------------|----------------------|--------------------|--------------------|
| 1 | Thép Ø8 | 246.400.000 | 163.200.00 | 76.158.220 | 7.041.780 |
| 2 | Thép Ø12 | 650.250.000 | 536.626.850 | 115.981.665 | (2.358.515) |
| | ... | | | | |
| | Cộng | 1.618.356.677 | 1.370.245.422 | 245.675.995 | (4.700.744) |

❖ **Ý kiến 3:** Về chính sách bán hàng

Trong tình hình thị trường cạnh tranh gay gắt, nhiều bất ổn, giá cả các mặt hàng không ngừng biến động, vì vậy để tồn tại và phát triển vững mạnh thì ngoài những chính sách bán hàng truyền thống, công ty nên có những chính sách bán hàng mới như: Có chính sách giảm giá, chiết khấu cho những khách hàng lớn, quen thuộc, mua nhiều với số lượng lớn.

Tùy từng mặt hàng, công ty có thể áp dụng các chính sách giảm giá, chiết khấu cho phù hợp. Cụ thể:

* Với những khách hàng quen thuộc, thường xuyên nên áp dụng chính sách chiết khấu thương mại. Tùy theo trị giá lô hàng, công ty có thể áp dụng mức chiết khấu từ 1% đến 1,5% trên trị giá lô hàng.

Với chính sách chiết khấu nhằm khuyến khích khách hàng công ty nên thêm Tài khoản 5211 – Chiết khấu thương mại: phản ánh số giảm giá cho người mua hàng với khối lượng lớn được ghi trên hóa đơn bán hàng

Khi doanh nghiệp thực hiện chiết khấu thương mại cho những khách hàng mua với khối lượng lớn, căn cứ vào hóa đơn bán hàng và các chứng từ liên quan khác, kế toán ghi:

Nợ TK 521 – Các khoản giảm trừ (5211 - Chiết khấu thương mại)

Nợ TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp (nếu có)

Có các TK 111, 112, 131, ...

* Với những khách hàng thanh toán tiền ngay, thanh toán sớm hơn thời hạn thỏa thuận ban đầu nên áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán. Tùy theo trị giá lô hàng, công ty có thể áp dụng mức chiết khấu từ 0.5% đến 1% trên trị giá lô hàng. Khi doanh nghiệp thực hiện chiết khấu thanh toán cho khách hàng, căn cứ vào hóa đơn bán hàng và các chứng từ liên quan khác, kế toán ghi:

Nợ TK 635 – Chi phí tài chính

Có các TK 111, 112

❖ **Ý kiến 4:** Ứng dụng phần mềm kế toán

Đến nay, công ty vẫn sử dụng kế toán máy Excel. Để tăng hiệu quả của công tác kế toán, công ty nên ứng dụng phần mềm kế toán. Việc áp dụng phần mềm kế toán là hoàn toàn có thể thực hiện tại doanh nghiệp. Áp dụng phần mềm kế toán nhằm giảm bớt các nghiệp vụ trùng lặp, gây mất thời gian và giảm bớt gánh nặng cho các kế toán viên, góp phần hiện đại hoá công tác quản lý và nâng cao chất lượng công tác quản lý. Tuy chi phí bỏ ra không phải là ít nhưng với thời đại công nghệ thông tin như hiện nay, không lâu nữa tất cả các doanh nghiệp đều sử dụng hình thức này vì nó mang lại hiệu quả trực tiếp cho các doanh nghiệp.

Một số phần mềm kế toán tiêu biểu hiện nay: MISA SME.NET 2015, LINKQ ACCOUNTING, FAST ACCOUNTING, 3S ACCOUNTING...

Khi ứng dụng phần mềm vi tính vào công tác kế toán trong Công ty theo hình thức sổ Nhật ký chung mà công ty đã lựa chọn, thì trình tự hạch toán được khái quát như sau:

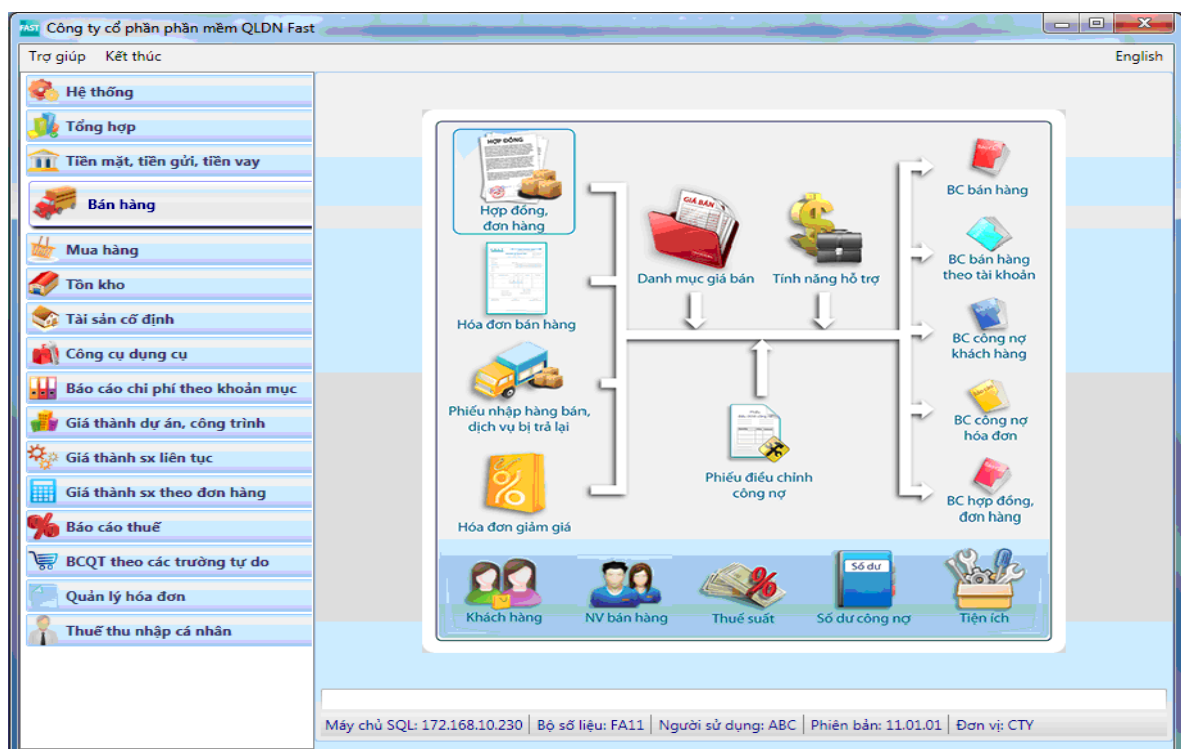
+ Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc, nhân viên kế toán tiến hành phân loại, kiểm tra và mã hoá các thông tin kế toán bao gồm: mã hoá chứng từ, mã hoá tài khoản và mã hoá các đối tượng kế toán. Các chứng từ đã được mã hoá sẽ được nhập vào cơ sở dữ liệu theo phần mềm sử dụng tại doanh nghiệp.

+ Khi cơ sở dữ liệu đã có đầy đủ thông tin, máy tính có thể tự động truy xuất số liệu theo chương trình phần mềm kế toán cài đặt để vào sổ Nhật ký chung, sổ cái, sổ chi tiết theo từng đối tượng đã được mã hoá và số liệu trên các báo cáo đến thời điểm nhập dữ liệu.

+ Cuối quý, kế toán tiến hành lập bảng cân đối thử và các bút toán phân bổ, kết chuyển, điều chỉnh, khoá sổ kế toán. Sau đó in bảng biểu, sổ kế toán tổng hợp, chi tiết và các báo cáo cần thiết.



Phần mềm kế toán MISA



Phần mềm kế toán FAST



Phần mềm kế toán LinkQ

KẾT LUẬN

Xu thế hội nhập mở ra một thị trường rộng lớn cùng với nhiều cơ hội mà các doanh nghiệp có thể nắm bắt để thành công đồng thời cũng mở ra cho các doanh nghiệp môi trường cạnh tranh rộng rãi hơn và gay gắt hơn... Trong điều kiện đó, kế toán được các doanh nghiệp sử dụng như một công cụ khoa học để tiếp cận một cách khách quan, thông hiểu tường tận các dữ liệu tài chính từ đó ghi nhận, phân tích và trình bày một cách thích hợp. Kế toán tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một nhân tố đóng vai trò quan trọng, cho thấy được tình hình kinh doanh của doanh nghiệp, quyết định sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp thương mại. Vì vậy, việc tổ chức hạch toán khoa học và hợp lý công tác kế toán và đặc biệt là kế toán trong khâu tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quyết định đến sự tồn tại và phát triển của công ty.

Qua thời gian thực tập tại công ty Công ty Cổ phần thép Trang Khanh, em đã đi sâu nghiên cứu và hoàn thành luận văn tốt nghiệp với đề tài “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Công ty Cổ phần thép Trang Khanh”.

Em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới các thầy cô giáo khoa Quản trị kinh doanh nói chung và ngành Kế toán - Kiểm toán trường Đại học Dân lập Hải Phòng nói riêng, cũng như xin gửi lời cảm ơn đến cô giáo ThS.Ninh Thị Thùy Trang, đã tận tình chỉ bảo, và đặc biệt cảm ơn tới các cán bộ kế toán của Cổ phần thép Trang Khanh đã giúp đỡ em hoàn thành đợt thực tập cũng như bài khóa luận này.

Do thời gian thực tập có hạn và trình độ hiểu biết còn hạn chế nên bài khóa luận này còn nhiều thiếu sót. Vì vậy, em rất mong được sự chỉ bảo, góp ý của các thầy cô giáo, cán bộ kế toán của công ty cũng như các bạn sinh viên trong toàn khoa để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn, em được học hỏi nhiều hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!